SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN; 24/01/2024 08:13:05

QUỐC HỘI KHÓA XV
ỦY BAN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 2159/BC-UBKHCNMT15

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

VAN PHONG UBND T LANG SƠN
ĐẾN Số:.....
Ngày 20/01/24
.....
Chuyển:.....

BÁO CÁO
Kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Thực hiện Nghị quyết số 1303/NQ-UBKHCNMT15 ngày 22/03/2023 về Chương trình giám sát năm 2023 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH,CN&MT), Ủy ban KH,CN&MT đã tổ chức giám sát chuyên đề ***"Thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số"***. Phạm vi giám sát tập trung vào việc thực hiện chủ trương chính sách, pháp luật về chuyển đổi số tại một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương và tổ chức, doanh nghiệp giai đoạn từ 2020 – 2023 trên phạm vi cả nước. Để thực hiện nhiệm vụ nêu trên, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đã yêu cầu các Bộ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi báo cáo theo đề cương hướng dẫn[1]; tổ chức Đoàn công tác khảo sát thực tế tại một số địa phương và làm việc với một số Bộ, ngành[2].

Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu, báo cáo số 510/BC-CP ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ và kết quả khảo sát thực tế, Ủy ban KH,CN&MT báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số như sau:

I. VIỆC BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về quan điểm, chủ trương của Đảng

Nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong bối cảnh mới, trong thời gian vừa qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành một số văn bản mang tính chiến lược, định hướng về chuyển đổi số.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Nghị quyết số 52-NQ/TW)

Nghị quyết số 52-NQ/TW xác định một trong các chính sách quan trọng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

---

[1] Công văn số 1316/UBKHCNMT15 ngày 27 tháng 3 năm 2023 gửi các Bộ, cơ quan trung ương; các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

[2] Các tỉnh: Bắc Giang, Hà Giang, Điện Biên. Tổ chức cuộc họp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng Chính phủ.

các tổ chức chính trị - xã hội, cụ thể:

- Tiên phong thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số của Chính phủ và các cấp chính quyền, tạo điều kiện để mọi công dân có thể cập nhật thông tin cần thiết về hoạt động của bộ máy nhà nước. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thu thập, quản lý dữ liệu và giao dịch trên nền tảng Internet ở các cơ quan nhà nước.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chuẩn hoá và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện chuyển đổi số. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 27-NQ/TW)

Nghị quyết số 27-NQ/TW xác định nhiệm vụ: "Xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, trong sạch, công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với ba trụ cột chính: Tổ chức bộ máy; công vụ, công chức; hành chính điện tử và chuyển đổi số... áp dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến; xây dựng nền kinh tế số, chính phủ số, xã hội số."

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

Các văn kiện của Đại hội XIII (Báo cáo chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025) cũng nhiều lần đề cập đến cụm từ "chuyển đổi số".

Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: "Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số để bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế". Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Đảng nhấn mạnh: "Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số". Trong ba nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện các đột phá chiến lược, chuyển đổi số quốc gia được xác định ở nhiệm vụ thứ hai, cụ thể là: "Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh". Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 cũng xác định: "Hoàn thiện thể chế thúc đẩy quá trình chuyển đổi số". Từ kinh nghiệm chuyển đổi số quốc gia của các nước trên

thế giới và thực tiễn chuyển đổi số ở Việt Nam, Đại hội XIII của Đảng đã xác định nội dung của chuyển đổi số quốc gia trong những năm tới là: "Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội".

Qua các nội dung nêu trên, có thể khẳng định rằng các văn kiện của Đại hội XIII đã xác định chuyển đổi số là vấn đề có tính chiến lược trong đường lối phát triển đất nước, là cách thức để góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển Việt Nam đến năm 2045. Các văn kiện của Đại hội XIII cũng định hướng chuyển đổi số quốc gia được thực hiện trên ba phương diện cơ bản là Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Bên cạnh đó, các văn kiện của Đại hội XIII cũng chú trọng đến đổi mới thể chế và chính sách để phục vụ quá trình chuyển đổi số. Đại hội XIII nhấn mạnh: "Xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới. Tập trung sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế".

2. Về công tác thể chế hóa chính sách, pháp luật

Nhằm thể chế quan điểm, chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhiều văn bản liên quan đến chuyển đổi số, từng bước hình thành khung khổ pháp lý cho việc triển khai, đẩy mạnh chuyển đổi số.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã thể hiện quyết tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện thể chế nhằm tạo lập hành lang pháp lý giúp kiến tạo sự phát triển trên không gian mới (không gian số), giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn chuyển đổi số thời gian vừa qua, giải quyết các "điểm nghẽn" nhằm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số tại Việt Nam. Thể hiện cụ thể: Giai đoạn từ năm 2020 đến nay đã có: **02 Luật** của Quốc hội, **14 Nghị định** của Chính phủ, **02 Chỉ thị, 02 Công điện, 07 Nghị quyết**, **25 Thông báo kết luận** của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ đã được ban hành phục vụ thúc đẩy chuyển đổi số. Đặc biệt, ngay trong năm 2023, Quốc hội đã thông qua Luật Giao dịch điện tử và Luật Viễn thông sửa đổi.

- Năm 2023, Luật Giao dịch điện tử sửa đổi được Quốc hội thông qua tại Phiên họp sáng ngày 22/06/2023 Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV. Luật Giao dịch điện tử có tác động đến **139** văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, được nhóm theo thẩm quyền và nội dung có liên quan, bao gồm: **26** luật; **113** văn bản hướng dẫn (**27** Nghị định, **57** Thông tư, **29** Quyết định các cấp); **11** điều ước quốc tế có liên quan (**08** Hiệp định, **03** Công ước). Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 về việc ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử năm 2023; Bộ Thông tin và Truyền thông đã đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Quyết định số 1198/QĐ-TTg bảo đảm đầy đủ hành lang pháp lý đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử năm 2023 (*có hiệu lực từ 01/7/2024*).

- Ngày 24/11/2023, Luật Viễn thông sửa đổi đã được Quốc hội thông qua.

Việc sửa đổi Luật Viễn thông nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển hạ tầng viễn thông tạo nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số; bổ sung quy định về các dịch vụ viễn thông mới, bao gồm dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ trung tâm dữ liệu; xây dựng hành lang pháp lý phù hợp với xu thế chuyển đổi số, chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số; kịp thời khắc phục các vướng mắc trong công tác thực thi, quản lý nhà nước thời gian qua và bảo đảm phù hợp với các luật hiện hành, các cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Để bảo đảm triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) được hiệu quả, sau khi Luật Giao dịch điện tử năm 2023 được thông qua, Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản đã tổ chức rà soát, kết quả như sau:

+ Tính đến tháng 11/2023, Bộ Tư pháp nhận được thông tin, báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của 24/24 bộ, cơ quan Trung ương, 62/63 địa phương đối với kết quả rà soát văn bản phục vụ triển khai Đề án 06; 23/23 bộ, cơ quan trung ương, 63/63 địa phương đối với việc rà soát văn bản theo Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

+ Số VBQPPL cần xử lý: **328** văn bản, trong đó: (1) VBQPPL ở Trung ương: **234** văn bản (gồm: 17 luật; 73 nghị định; 02 quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 130 thông tư; 11 thông tư liên tịch; 01 nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao), liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của 20 bộ, cơ quan; (2) VBQPPL của 26 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: **94** văn bản (gồm: 21 nghị quyết của HĐND cấp tỉnh; 72 quyết định của UBND cấp tỉnh, 01 chỉ thị của UBND cấp tỉnh).

+ Trong đó, văn bản đã được xử lý: **55** văn bản (gồm: 05 nghị định, 18 thông tư, 05 thông tư liên tịch, 12 nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, 15 quyết định của UBND cấp tỉnh).

- Những chính sách mới như trên tạo cơ sở pháp lý, cung cấp thêm công cụ quản lý và mở ra phương thức quản lý mới trong hoạt động chuyển đổi số toàn trình trên môi trường mạng; góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số Việt Nam bước vào giai đoạn "**tăng tốc**" có tính quyết định đến kết quả chuyển đổi số cả giai đoạn 2021-2025[3].

Chính sách về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số tại các bộ, ngành, địa phương, theo số liệu từ Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến thời điểm báo cáo[4] đã có 05/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành Nghị quyết của Ban cán sự Đảng về chuyển đổi số; 29/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành Chương trình, Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025; 22/22 bộ, cơ quan ngang bộ ban hành Chương trình, kế hoạch về phát

---

[3] Theo Báo cáo Chuyển đổi số quốc gia của Bộ Thông tin và Truyền thông phát hành ngày 27/12/2023.

[4] Theo Báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông kèm theo Công văn số 1410/BTTTT-CĐSQG ngày 18/4/2023.

triển Chính phủ số, chính quyền số giai đoạn 21-25; 62/63 tỉnh, thành phố ban hành Nghị quyết của Tỉnh ủy, thành ủy về chuyển đổi số; 63/63 tỉnh, thành phố ban hành Chương trình, Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025; 63/63 tỉnh, thành phố ban hành Chương trình, kế hoạch riêng về phát triển Chính phủ số, chính quyền số giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2022, 100% các bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kế hoạch thực hiện chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số/chính quyền số.

Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng, các văn bản pháp luật của các cơ quan trung ương, chính quyền địa phương cấp tỉnh đã ban hành nhiều văn bản liên quan để triển khai thực hiện, đồng thời ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể của địa phương đối với việc đẩy mạnh chuyển đổi số tại địa phương mình (Nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND, kế hoạch triển khai thực hiện quy định về chính quyền điện tử, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đẩy mạnh các DVCTT, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu, triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng (Tổ CNSCĐ) tại các địa phương...).

II. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Tư duy, nhận thức về chuyển đổi số

Để tăng cường tư duy, nhận thức về chuyển đổi số, trong thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện 07 giải pháp tăng cường chỉ đạo, phổ biến, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, bao gồm: Kiện toàn, thống nhất đầu mối chỉ đạo về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương; Bồi dưỡng, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho lãnh đạo cấp ủy một số cơ quan trung ương và địa phương (20 cơ quan); Xây dựng Cẩm nang về chuyển đổi số để hỗ trợ giải đáp, trả lời những nội dung liên quan tới chuyển đổi số, phổ biến tới các cơ quan nhà nước, cộng đồng trên nền tảng Internet; Tổ chức hội nghị, hội thảo quy mô quốc gia trong nước và quốc tế, cấp bộ, ngành, địa phương về chuyển đổi số, kết hợp truyền thông trực tuyến mở trên nền tảng Internet tới cả cộng đồng; Tổ chức các giải thưởng về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để thúc đẩy nghiên cứu, phát triển giải pháp: VietSolutions, Digital Award, ngày Chuyển đổi số Việt Nam,... Tổ chức sự kiện ngày Thứ sáu công nghệ để ra mắt các nền tảng số Make in Vietnam; Tổ chức Chương trình "Tháng 10 - Tháng tiêu dùng số"; Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng...

Việc thực hiện các giải pháp nói trên đã góp phần chuyển đổi mạnh mẽ về nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, cũng như trong các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng, người dân, coi chuyển đổi số là động lực, phương thức thúc đẩy cải cách kinh tế, đổi mới hoạt động tổ chức bộ máy các cấp, là điều kiện tiên quyết để phát triển và trở thành tư duy chiến lược trong công tác hoạch định chủ trương, chính sách của cấp ủy, chính quyền các cấp, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Đến nay 100% bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đã ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số. Hầu hết các bộ, tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương đều đưa nội dung chuyên đề về chuyển đổi số nói chung, Chính phủ điện tử, Chính phủ số, đô thị thông minh nói riêng vào các nghị quyết, chương trình Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2021-2025, cũng như trong các nghị quyết, chương trình phát triển kinh tế, xã hội của mình.

2. Công tác lãnh đạo, điều hành thực thi chính sách, pháp luật

2.1. Tổ chức bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo về chuyển đổi số ở Trung ương

Ngày 24/9/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1619/QĐ-TTg về việc kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thành Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số có chức năng nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam. Bộ Thông tin và Truyền thông làm nhiệm vụ thường trực của Ủy ban và Tổ công tác; bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của Ủy ban và Tổ công tác. Hàng quý, Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số đã tổ chức các Phiên họp với các Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương; tại các Phiên họp Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban đã kết luận, giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số giai đoạn mới.

2.2. Tổ chức bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo về chuyển đổi số ở địa phương

Hiện tại, 100% các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số, do người đứng đầu làm Trưởng Ban Chỉ đạo. Các ban chỉ đạo đã triển khai các phiên họp định kỳ để rà soát, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số nhằm kịp thời triển khai nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. Năm 2023, các bộ, ngành, địa phương đang tiếp tục hoàn thiện, ban hành kế hoạch hoạt động năm 2023, chỉ đạo, điều hành triển khai.

3. Nhân lực chuyển đổi số

Hiện nay, Việt Nam có khoảng hơn 240 trường đại học, trong đó có 168 trường có chuyên ngành đào tạo công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin (CNTT, ĐTVT, ATTT). Chỉ tiêu tuyển sinh ngành đào tạo lĩnh vực này tăng đáng kể trong những năm qua (năm học 2020-2021, chỉ tiêu là hơn 82.000 sinh viên tăng gần 20% so với năm học trước). Tỷ lệ thực tuyển ngành CNTT, ĐTVT, ATTT cũng rất cao, trung bình trên 80%. Hằng năm, số lượng sinh viên tốt nghiệp CNTT, ĐTVT, ATTT vào khoảng hơn 50.000 người, đóng góp vào lực lượng lao động chất lượng cao của ngành CNTT.

Để thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà

tại địa chỉ https://onetouch.mic.gov.vn (Nền tảng OneTouch) để phổ cập kỹ năng số cho mọi đối tượng, bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Tổ CNSCĐ và người dân nói chung; phổ cập kỹ năng số nâng cao theo hướng cá nhân hóa, đào tạo về kỹ năng, quyền và trách nhiệm của công dân số. Nền tảng được khai trương từ đầu tháng 4/2022. Đến nay, đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho 204.397 lượt cán bộ, công chức, viên chức của các Bộ, ngành, địa phương; bồi dưỡng, tập huấn cho 255.545 thành viên Tổ CNSCĐ; phổ cập kỹ năng số cho người dân đạt gần 18 triệu lượt truy cập.

4. Kết quả thực hiện 03 trụ cột chuyển đổi số

4.1. Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

4.1.1. Dịch vụ công trực tuyến

Hiện nay, 100% Bộ, ngành, địa phương có Cổng dịch vụ công để cung cấp DVCTT và đang triển khai cung cấp thông tin đáp ứng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

Kết nối, chia sẻ dữ liệu về dân cư và bảo hiểm thuận lợi hơn cho người dân khi đi khám bệnh. Ứng dụng xác thực thông tin sinh trắc trên Căn cước công dân gắn chip trong khám chữa bệnh bảo hiểm y tế để hạn chế và ngăn chặn trục lợi khi đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, quy trình từ **4** bước được rút gọn lại còn **2** bước. Thời gian trung bình cho mỗi lượt xác thực là **6-13** giây so với **10** phút trước đây. Việc khai thác dữ liệu, triển khai các dịch vụ công trực tuyến liên thông đã chứng minh được hiệu quả vượt trội so với việc thực hiện từng thủ tục hành chính riêng lẻ.

Ví dụ: với 02 dịch vụ công liên thông "*Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng*" mới được đưa vào sử dụng chính thức trong năm 2023. Tính đến 20/11/2023, đã tiếp nhận, xử lý hơn **342 nghìn** hồ sơ liên thông khai sinh và hơn **26 nghìn** hồ sơ liên thông khai tử. Giá trị mang lại rất đáng ghi nhận, riêng với BHXH Việt Nam: (1) giúp rút ngắn thời gian chờ cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi từ **05 ngày** xuống còn **02 ngày** (342 nghìn x 3 ngày ~ **khoảng 1 triệu ngày công lao động**); (2) rút ngắn thời gian giải quyết hưởng mai táng phí từ **10 ngày** xuống còn **07 ngày** (26 nghìn x 3 ngày ~ **khoảng 81 nghìn ngày công lao động**).

Việc liên thông giữa cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) với hệ thống thông tin (HTTT) đăng ký thuế (Bộ Tài chính); HTTT của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và HTTT của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trong quá trình đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 122/2020/NĐ-CP[5] đã tích hợp **04** quy trình vào **01** quy trình. Theo đó, doanh nghiệp sẽ chỉ phải chuẩn bị **01** bộ hồ sơ, kê khai **01** biểu mẫu, thực hiện thủ tục tại **01** cơ quan và nhận **01** kết quả duy nhất. Toàn bộ quy trình trao đổi thông

[5] Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp.

tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước được số hóa và trao đổi điện tử, giúp quy trình khởi sự kinh doanh ở Việt Nam giảm từ **08** thủ tục với **16** ngày xuống chỉ còn **03** thủ tục với **06** ngày. Tính đến tháng 11/2023, đã có khoảng **650 nghìn** hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 122/2020/NĐ-CP; việc này đã giúp rút ngắn thời gian xử lý, tiết kiệm cho xã hội khoảng **6,5 triệu** ngày công lao động.

Cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đã được đẩy mạnh. Việc giải quyết thủ tục hành chính ở một số địa phương có sự thay đổi đột phá. Ví dụ: tháng **6/2023**, tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho **02** dự án đầu tư của doanh nghiệp có tổng mức vốn gần **250** triệu USD chỉ trong **12** giờ làm việc kể từ thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh, rút ngắn thời gian giải quyết **14** ngày làm việc so với quy định. Đến hết năm 2023, các bộ, ngành đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa **gần 2,5 nghìn** quy định kinh doanh (QĐKD) tại **201** văn bản quy phạm pháp luật; công khai **hơn 15,7 nghìn** QĐKD trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành **15** Quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa **gần 1,2 nghìn** QĐKD tại **221** VBQPPL; các Hiệp hội, doanh nghiệp, người dân bước đầu tham gia góp ý đối với QĐKD và gửi vướng mắc, đề xuất cải cách quy định trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh. Các bộ, ngành đã cắt giảm, đơn giản hóa **528** TTHC/**1.086** TTHC (khoảng **49%**) để thực thi **19** Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư[6].

Cung cấp DVCTT đã đem lại những hiệu quả cụ thể, tiết kiệm cả về thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp; nâng cao tính công khai, minh bạch hoạt động của chính quyền các cấp, góp phần phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng khi giải quyết thủ tục hành chính cho người dân; thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng xã hội số.

4.1.2. Hiện đại hóa hành chính

a) Về Phát triển các nền tảng số

* Nền tảng số quốc gia:

- Về nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP): nền tảng NDXP đã kết nối với hệ thống của 98 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; 09 CSDL và 14 hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP tính đến hết tháng 6/2023, đạt 272.262.565 giao dịch (265.179.662 giao dịch thành công[7], 7.082.903 giao dịch thất bại[8]); trung bình hằng ngày có khoảng 1,4 triệu giao dịch thực hiện thông qua. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP từ khi khai trương đến nay là hơn 1,231 tỷ giao dịch.

---

[6] Theo Báo cáo Chuyển đổi số quốc gia của Bộ Thông tin và Truyền thông phát hành ngày 27/12/2023.

[7] 01 giao dịch thành công ứng với 01 lượt truy vấn của bên sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu và nhận lại được dữ liệu từ bên cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

[8] 01 giao dịch thất bại ứng với 01 lượt truy vấn của bên sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu và không nhận lại được dữ liệu từ bên cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu do các lỗi như: hệ thống cung cấp dịch vụ bị lỗi, đường truyền bị lỗi, lỗi về xác thực, quyền khai thác dịch vụ, lỗi về định dạng dữ liệu của bên khai thác dịch vụ...

- Nền tảng kỹ năng số quốc gia: Đã xây dựng, đang phát triển hoàn thiện nền tảng đào tạo trực tuyến OneTouch, cung cấp các khóa đào tạo chuyển đổi số cho các đối tượng nòng cốt, đối tượng chuyên trách, cán bộ, công chức cấp xã, người dân... với các chuyên đề chuyển đổi số cơ bản, an toàn thông tin, cách tiếp cận nền tảng trong chuyển đổi số... hiện nay tổng số gần 18 triệu lượt tham gia.

- Nền tảng số y tế: Ngành Y tế đang phát triển, hoàn thiện các nền tảng như: nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử; nền tảng quản lý trạm y tế xã; nền tảng quản lý thông tin y tế (đã thí điểm tại 06/63 tỉnh, thành phố); hệ thống kết nối các cơ sở cung ứng thuốc và ngân hàng dữ liệu ngành dược.

- Nền tảng số giáo dục: Ngành giáo dục đã triển khai các nền tảng quản trị nhà trường, nền tảng quản lý học tập dùng chung miễn phí cho giáo dục phổ thông; đầu tư xây dựng nền tảng dạy học trực tuyến dùng chung (MOOC) và xây dựng các khóa học trực tuyến ở một số nhóm ngành: kỹ thuật và công nghệ; kinh tế; kinh doanh và quản lý; khoa học tự nhiên; thủy sản; nông nghiệp - dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng vào Quý IV năm 2023; hệ thống điều hành điện tử kết nối với 63 Sở Giáo dục và Đào tạo và hơn 300 trường Đại học, Cao đẳng trên cả nước.

- Nền tảng số nông nghiệp: nền tảng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản được xây dựng, vận hành, liên thông với nhiều địa phương trên cả nước (09/63 tỉnh, thành phố) và đang tiếp tục mở rộng. Hiện tại, đã có hơn 3.460 mã truy xuất sản phẩm nông sản, thực phẩm được cập nhật.

* Nền tảng số cho người dân, doanh nghiệp

Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số bằng các nền tảng số Việt Nam, đã tiến hành thúc đẩy, tuyển chọn công bố trên 20 nền tảng số xuất sắc và đưa ra chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi lên môi trường số. Năm 2022, đã tiến hành đánh giá, tuyển chọn, công nhận 12 nền tảng số đạt tiêu chí xác định thí điểm nền tảng số Việt Nam có khả năng triển khai rộng khắp phục vụ người dân. Các nền tảng này đã được công bố, khuyến khích người dân sử dụng trên Cổng thông tin congdanso.vn và triển khai các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng số cho người dân thông qua mạng lưới Tổ CNSCĐ.

b) Triển khai các ứng dụng quy mô quốc gia

- Trục liên thông văn bản quốc gia: số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia trong tháng 6 năm 2023 là 679.277 văn bản (gửi: 125.236 văn bản, nhận 554.041 văn bản). Trong 6 tháng đầu năm 2023, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận qua Trục khoảng 3,6 triệu văn bản, gấp 1,3 lần so với cùng kỳ năm 2022. Tính đến nay, đã có hơn 23 triệu văn bản điện tử được gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet): trong 6 tháng đầu năm 2023, Hệ thống đã phục vụ 10 hội nghị, phiên họp của Chính phủ, thực hiện xử lý 199 phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ (thay thế gần 60 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy). Tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ 75

hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 1.670 phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ (thay thế hơn 575 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy).

- Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: đến nay, đã có 69/179 chế độ báo cáo được tích hợp hoặc nhập liệu trực tiếp trên hệ thống; Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Trung tâm) đã kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành của 15 bộ, cơ quan, tập đoàn, tổng công ty nhà nước và 63 địa phương để cung cấp thông tin, dữ liệu trực tuyến theo thời gian thực với 38 chỉ tiêu thông tin trực tuyến; hình thành 04 bộ chỉ số về điều hành, thống kê, theo dõi, giám sát và kinh tế - xã hội địa phương.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Trung tâm đã xây dựng 05 ấn phẩm báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ; phối hợp với Bộ Công an kết nối thông tin tổng hợp về dân cư từ CSDL quốc gia về dân cư; tổ chức 02 hội thảo tham vấn, 01 cuộc khảo sát trực tuyến về nhu cầu chia sẻ thông tin, dữ liệu của địa phương, làm việc với 17 bộ, địa phương về các nội dung phục vụ kết nối thông tin, dữ liệu theo Quyết định số 1498/QĐ-TTg ngày 11/9/2021 và xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Cổng Dịch vụ công quốc gia (xem mục 4.1.1. Dịch vụ công trực tuyến)

- Cổng tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được đưa vào vận hành, là công cụ quan trọng để tổng hợp báo cáo Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025. Từ năm 2021 đến nay, các bộ, ngành đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa 2.352 quy định kinh doanh tại 191 văn bản quy phạm pháp luật; công khai 15.741 quy định kinh doanh trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 13 quyết định phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1.146 quy định kinh doanh tại 211 văn bản quy phạm pháp luật; các Hiệp hội, doanh nghiệp, người dân bước đầu tham gia góp ý đối với quy định kinh doanh và gửi vướng mắc và đề xuất cải cách quy định trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

4.1.3. Về phát triển dữ liệu

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, đến hết tháng 6/2023, có 45 cơ quan ban hành danh mục CSDL[9]; các ngành, lĩnh vực tăng cường xây dựng quy chuẩn kỹ thuật dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ như kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư; CSDL quốc gia về giá; CSDL quốc gia về bảo hiểm; CSDL cán bộ, công chức, viên chức; CSDL đất đai... Công tác tạo lập dữ liệu: các dữ liệu quốc gia, dữ liệu phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản,

[9] Trong đó có 05/22 bộ, ngành và 31/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp đã được các bộ, ngành đẩy mạnh triển khai xây dựng, tạo lập.

CSDL quốc gia là nguồn lực, tài nguyên quan trọng để phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Hiện nay, một số CSDL quốc gia tạo nền tảng Chính phủ điện tử đã được xây dựng, tiêu biểu như:

(1) CSDL quốc gia về dân cư: lưu thông tin của khoảng **99** triệu nhân khẩu, đạt trên **99%** dân số Việt Nam; kết nối với **15** bộ, ngành; **63/63** địa phương; **04** doanh nghiệp. Bộ Công an cũng đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ rà soát, cập nhật trên **92** nghìn trường hợp thôi quốc tịch, gần **5** triệu trường hợp thay đổi thông tin trong hộ tịch để phục vụ việc làm sạch dữ liệu.

(2) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: kết nối với **13** bộ, ngành và **63/63** địa phương với khoảng **41 triệu** giao dịch; lưu trữ dữ liệu của hơn **1,6 triệu** doanh nghiệp (khoảng **900 nghìn** doanh nghiệp đang hoạt động) và hơn **200 nghìn** đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; lưu trữ thông tin đăng ký của khoảng **2,4 triệu** hộ kinh doanh, trong đó: hơn **260 nghìn** hộ kinh doanh được chuẩn hóa dữ liệu, lưu trữ khoảng **30 nghìn** hợp tác xã và đơn vị trực thuộc. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đạt **92,58%. Từ năm 2018,** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp với các bộ, ngành, địa phương.

(3) CSDL quốc gia về bảo hiểm: kết nối, chia sẻ dữ liệu với **09** bộ, ngành[10] và một số kết nối, chia sẻ dữ liệu có phạm vi quốc gia; quản lý khoảng **32 triệu** hộ gia đình tham gia bảo hiểm; khoảng **17,1 triệu** người tham gia BHXH; khoảng **88,9** triệu người tham gia BHYT; đã xác thực hơn **93,7 triệu** thông tin nhân khẩu trong CSDL quốc gia về bảo hiểm với CSDL quốc gia về dân cư, trong đó: khoảng **84,7 triệu** người đang tham gia BHXH, BHYT, BHTN, chiếm **96%** tổng số người tham gia (không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội). Đồng thời, hệ thống BHXH Việt Nam đã đồng bộ hơn **132 triệu** lượt bản ghi thông tin BHXH, BHYT với CSDL quốc gia về dân cư.

(4) CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc: hoàn thành triển khai tại **63/63** tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với hơn **50 nghìn** người dùng, cụ thể: khoảng **18 nghìn** tài khoản của công chức tư pháp - hộ tịch, khoảng **32 nghìn** tài khoản của lãnh đạo và văn thư UBND cấp xã. Tính đến tháng 11/2023, hệ thống đã có khoảng **48 triệu** dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó: khoảng **9,6 triệu** trẻ em được cấp số định danh cá nhân theo quy định (khoảng **5,3 triệu** trường hợp đăng ký khai sinh được chuyển sang các cơ quan bảo hiểm xã hội để cấp thẻ bảo hiểm y tế), khoảng **12,3** triệu dữ liệu kết hôn, khoảng **10,5 triệu** dữ liệu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, khoảng **8,2 triệu** dữ liệu khai tử, khoảng **293 nghìn** trường hợp nhận cha mẹ con, khoảng **20,5 nghìn** trường hợp đăng ký giám hộ, khoảng **16,6 nghìn** trường hợp đăng ký nhận nuôi con nuôi, khoảng **889,4 nghìn** dữ liệu cải chính, thay đổi, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.

---

[10] Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế), Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội Vụ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo (kết nối thử nghiệm).

(5) CSDL đất đai quốc gia:

- Tại Trung ương đã xây dựng, đưa vào quản lý, vận hành và khai thác sử dụng **04** khối dữ liệu đất đai do Trung ương quản lý gồm: (1) CSDL về thống kê, kiểm kê đất đai; (2) CSDL về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (3) CSDL về giá đất; (4) CSDL về điều tra, đánh giá đất đai.

- Tại địa phương: **63/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai. Cụ thể: **455/705** đơn vị cấp huyện đã hoàn thành CSDL địa chính với hơn 46 triệu thửa đất và đưa vào vận hành; **705/705** đơn vị cấp huyện đã hoàn thành CSDL thống kê, kiểm kê đất đai (từ kỳ kiểm kê năm 2019); **325/705** đơn vị cấp huyện hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; **300/705** đơn vị cấp huyện đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất.

(6) CSDL quốc gia về tài chính: Bộ Tài chính đã xây dựng, hoàn thiện **13** CSDL chuyên ngành phục vụ Đề án xây dựng CSDL quốc gia về tài chính, kết quả cụ thể:

- **11/13** CSDL thành phần như sau: CSDL Thu - chi NSNN (Kho dữ liệu NSNN); CSDL chuyên ngành quản lý Thuế; CSDL chuyên ngành quản lý Kho bạc; CSDL chuyên ngành quản lý Hải quan; CSDL chuyên ngành quản lý Chứng khoán; CSDL chuyên ngành quản lý Giá; CSDL chuyên ngành quản lý Nợ công; CSDL chuyên ngành quản lý Tài sản công; CSDL chuyên ngành Bảo hiểm; CSDL chuyên ngành quản lý, giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp; CSDL danh mục điện tử dùng chung ngành Tài chính.

- **02/13** CSDL đang thực hiện ở giai đoạn đầu tư: *Một là*, CSDL tổng hợp về tài chính đang trong giai đoạn xây dựng phần mềm; *Hai là*, CSDL chuyên ngành quản lý dự trữ nhà nước đang làm thủ tục trình chủ trương đầu tư dự án.

(7) CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức: kết nối, đồng bộ dữ liệu với **96** bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương (**33** bộ, ngành, cơ quan Trung ương và **63** tỉnh, thành phố), trong đó: **70** bộ, ngành, địa phương đã đồng bộ dữ liệu (đạt 100%) (gồm **13** bộ, ngành và **57** địa phương), các đơn vị còn lại đang tiếp tục đồng bộ dữ liệu về bảo đảm đủ số liệu của giai đoạn 1. Tổng số dữ liệu được đồng bộ tự động về CSDL quốc gia đến thời điểm này là gần **2,3 triệu** hồ sơ, trong đó: bộ, ngành là gần **218 nghìn** hồ sơ (đạt **80,3%**), địa phương là **hơn 2 triệu** hồ sơ (đạt **99%**)[11].

4.1.4. Về phát triển hạ tầng số

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối **04** cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số. Đến nay, Mạng đã kết nối đến **100%** huyện, **100%** xã trên toàn quốc.

- Số bộ, ngành, địa phương đã triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt **71,43%**. Việt Nam

[11] Theo Báo cáo Chuyển đổi số quốc gia của Bộ Thông tin và Truyền thông phát hành ngày 27/12/2023.

có **9** doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, **43** trung tâm dữ liệu trên toàn quốc, với tổng số **571 nghìn** máy chủ, **54,7 triệu** lõi vật lý.

- Tốc độ truy cập mạng băng rộng cố định đạt 104,08 Mbps, tăng 31,9% so với cùng kỳ năm 2022, xếp thứ 41 và cao hơn trung bình thế giới là 87,79 Mbps. Việt Nam đứng thứ 4 sau Singapore[12], Thái Lan, Malaysia ở khu vực Đông Nam Á. Tốc độ truy cập mạng băng rộng di động đạt 44,92 Mbps, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2022, xếp thứ 57 và thấp hơn trung bình thế giới là 48,47 Mbps.

- Về tốc độ mạng di động băng rộng, Việt Nam xếp vị trí thứ 4 tại khu vực, sau Singapore[13], Brunei và Malaysia. Tốc độ mạng của Việt Nam năm 2023 tăng từ **15-30%** so với năm 2022, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các dịch vụ yêu cầu tốc độ cao, các nội dung truyền thông đa phương tiện.

- Về phủ sóng đối với các thôn lõm sóng: tính đến tháng 12/2023, cả nước có **620** thôn lõm sóng. Trong đó có **502** thôn thuộc khu vực đặc biệt khó khăn và **118** thôn không thuộc khu vực đặc biệt khó khăn, bao gồm các thôn vẫn chưa có điện lưới.

- Việc triển khai dịch vụ Mobile Money: Tính hết tháng 11/2023, việc triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money tiếp tục đạt được mục tiêu góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, cũng như đảm bảo việc thí điểm dịch vụ an toàn, đúng quy định. Một số kết quả cụ thể như sau:

+ Tổng số khách hàng đạt hơn 6,7 triệu khách hàng, trong đó số lượng khách hàng ở **nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa** đạt gần **4,8 triệu**, chiếm **71%**.

+ **Khoảng 11,9 nghìn** điểm kinh doanh đã được thiết lập, tổng số đơn vị chấp nhận thanh toán đạt **hơn 233 nghìn** đơn vị, cung cấp các dịch vụ thiết yếu như điện nước, giáo dục, viễn thông, hành chính công.

+ Tổng số lượng các giao dịch (nạp, rút, chuyển tiền, thanh toán) bằng Mobile Money là hơn **61 triệu** giao dịch với tổng giá trị giao dịch hơn **2,8 nghìn** tỷ đồng[14].

4.2. Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Năm 2022-2023, theo Báo cáo thường niên kinh tế số e-Connomy SEA do Google, Temasek, Bain & Company công bố, Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế số nhanh nhất ở khu vực Đông Nam Á và được dự báo sẽ tiếp tục giữ vị trí này đến năm 2025. Tốc độ tăng trưởng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực của Việt Nam so với năm 2022 đạt được kết quả ấn tượng: du lịch trực tuyến tăng **82%**, thanh toán số tăng **19%** đưa Việt Nam trở thành quốc gia

---

[12] Singapore xếp hạng 1 với tốc độ trung bình 264,15 Mbps, Thái Lan xếp hạng 6, tốc độ trung bình 218,94 Mbps, Malaysia xếp hạng 37, tốc độ trung bình 110,8 Mbps.

[13] Singapore xếp hạng 19, tốc độ trung bình 89,45 Mbps, Brunei xếp hạng 23, tốc độ trung bình 85,13 Mbps và Malaysia xếp hạng 38, tốc độ trung bình 66,84 Mbps.

[14] Theo Báo cáo Chuyển đổi số quốc gia của Bộ Thông tin và Truyền thông phát hành ngày 27/12/2023.

tăng trưởng nhanh nhất về thanh toán số tại khu vực Đông Nam Á, thương mại điện tử tăng **11%**.

- Năm 2023, tỷ trọng kinh tế số/GDP ước đạt khoảng **16,5%**[15], tốc độ tăng trưởng kinh tế số giữ ở mức cao, ổn định ước đạt khoảng **20%**/năm, tăng **3** lần so với tốc độ tăng trưởng GDP.

- Năm 2023, Bộ Thông tin và Truyền thông lựa chọn là năm đồng hành đưa doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam ra nước ngoài. Năm 2023, Việt Nam có hơn **hơn 1,5 nghìn** doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có doanh thu từ thị trường nước ngoài, tăng hơn **7%** so với năm **2022**. Tổng doanh thu từ thị trường nước ngoài ước đạt **7,5** tỷ USD, tăng **4%** so với năm **2022**.

- Doanh thu tại các khu CNTT tập trung vào khoảng **15 triệu** USD/1ha, cao hơn khoảng 15 lần so sánh với doanh thu trung bình của các khu công nghiệp[16]. Doanh thu trung bình của các khu công nghiệp chỉ vào khoảng **1** triệu USD/1ha/1 năm[17].

- Năm 2022-2023, Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm **10** nước dẫn đầu về số lượng lượt tải mới ứng dụng trên thiết bị di động. Số lượng người dùng trên các nền tảng số Việt Nam năm 2023 tăng trưởng 46% so với năm 2022. Trong đó, nổi bật là nền tảng Zalo có trên **74 triệu** người dùng thường xuyên, có **60** ứng dụng trên **01** triệu người dùng hằng tháng (**44** ứng dụng có từ **01 - 05** triệu người; **16** ứng dụng di động có trên **05** triệu tài khoản). Thời gian sử dụng trung bình nền tảng số Việt Nam vào khoảng **2,4** giờ/ngày. **03** ứng dụng của cơ quan nhà nước thu hút được số lượng người dùng lớn ở Việt Nam là VNeID của Bộ Công an, VssID của Bảo hiểm Xã hội và Thanh niên Việt Nam của Trung ương Đoàn với tổng người dùng của cả **03** ứng dụng vào khoảng **65** triệu[18].

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Một số kết quả đạt được

1.1. Đối với việc ban hành chính sách, pháp luật về chuyển đổi số

Cùng với sự xuất hiện và phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công

---

[15] Số liệu do Bộ Thông tin và Truyền thông ước tính để phục vụ công tác đo lường sự tăng trưởng một cách tương đối. Tỉ trọng kinh tế số / GDP của Việt Nam năm 2021, 2022 lần lượt là 11,91% và 14,26%.

[16] Tổng doanh thu của các doanh nghiệp hoạt động trong Khu Công viên phần mềm Quang Trung đạt 432 triệu USD trên diện tích toàn khu khoảng 43ha, tương đương doanh thu khoảng 10 triệu USD /ha/năm; Công viên phần mềm Đà Nẵng đạt gần 58 triệu USD với diện tích chỉ 1,08 ha, tương đương doanh thu khoảng 55 triệu USD/ha/năm; Khu CNTT tập trung Cầu Giấy ước đạt khoảng 260,87 triệu USD, tương đương hiệu suất sử dụng đất đạt 31,4 triệu USD/ha. Số liệu này cho thấy hiệu quả sử dụng đất của khu CNTT tập trung rất cao so với các loại hình khu khác như khu công nghiệp, khu kinh tế với doanh thu chỉ khoảng 01 triệu USD/ha/năm (nếu không thống kê của số liệu của Samsung thì hiệu suất doanh thu/diện tích đất chỉ chưa đến 500.000 USD/ha/năm).

[17] Tổng doanh thu của các doanh nghiệp hoạt động trong Khu Công viên phần mềm Quang Trung đạt 432 triệu USD trên diện tích toàn khu khoảng 43ha, tương đương doanh thu khoảng 10 triệu USD /ha/năm; Công viên phần mềm Đà Nẵng đạt gần 58 triệu USD với diện tích chỉ 1,08 ha, tương đương doanh thu khoảng 55 triệu USD/ha/năm; Khu CNTT tập trung Cầu Giấy ước đạt khoảng 260,87 triệu USD, tương đương hiệu suất sử dụng đất đạt 31,4 triệu USD/ha. Số liệu này cho thấy hiệu quả sử dụng đất của khu CNTT tập trung rất cao so với các loại hình khu khác như khu công nghiệp, khu kinh tế với doanh thu chỉ khoảng 01 triệu USD/ha/năm (nếu không thống kê của số liệu của Samsung thì hiệu suất doanh thu/diện tích đất chỉ chưa đến 500.000 USD/ha/năm).

[18] Theo Báo cáo Chuyển đổi số quốc gia của Bộ Thông tin và Truyền thông phát hành ngày 27/12/2023.

nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đã nhanh chóng trở thành xu hướng mới, phổ biến, và tất yếu trên toàn cầu trong kỷ nguyên số. Chuyển đổi số được hiểu là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số[19]. Chuyển đổi số không chỉ làm thay đổi các phương thức truyền thống trong vận hành kinh tế - xã hội mà còn đặt ra nhiều yêu cầu về việc đổi mới khuôn khổ pháp lý hiện hành.

Trước những yêu cầu đó, nhằm cụ thể hóa quan điểm, chủ trương Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã khẩn trương sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản để thiết lập hành lang pháp lý cho hoạt động chuyển đổi số.

Dù phải hoạt động trong bối cảnh Đại dịch COVID-19 bùng phát, nhưng ngay khi nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV bắt đầu, Quốc hội đã nhanh chóng triển khai những hoạt động chuyển đổi số đầu tiên khi chuyển hình thức họp truyền thống sang họp trực tuyến và bắt tay ngay vào việc đồng hành với Chính phủ vừa ứng phó linh hoạt với Đại dịch vừa sửa đổi, bổ sung các đạo luật liên quan đến chuyển đổi số. Các luật liên quan đến chuyển đổi số Quốc hội đã ban hành bao gồm: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi), Luật Viễn thông (sửa đổi), Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi), Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi). Quốc hội đang tiến hành xem xét, sửa đổi Luật Lưu trữ. Trong các đạo luật khác đang được Quốc hội xem xét, thảo luận như Luật Đất đai, Luật Đấu giá tài sản, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân... đều có những quy định về việc tạo lập cơ sở dữ liệu trực tuyến hoặc phương thức hoạt động trực tuyến như xét xử trực tuyến...

Môi trường pháp lý cho phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số cơ bản được hình thành. Trong đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành các Luật, Nghị định, Quyết định trong đó quy định các nội dung nền tảng, cốt yếu cho chuyển đổi số. Ngoài những văn bản mới được ban hành nêu trên, hoạt động chuyển đổi số hiện nay còn tuân theo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công nghệ thông tin, viễn thông, bưu chính, an toàn thông tin, an ninh mạng.

(Xem chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo này).

1.2. Đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số

Thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số, trong thời gian qua, Chính phủ các Bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đề ra và bước đầu đạt được những kết quả tích cực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Các kết quả nổi bật đã đạt được cụ thể như sau:

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia tiếp tục phát huy hiệu quả để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ

[19] Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, *Cẩm nang chuyển đổi số*, Bản tái bản có chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung năm 2021.

quan nhà nước. Một số cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng (dân cư, doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, hộ tịch điện tử...) đã được xây dựng và đưa vào vận hành khai thác phục vụ cung cấp DVCTT cho người dân và doanh nghiệp. Nhiều dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 mang lại nhiều tiện ích cho người dân, doanh nghiệp, góp phần vào công tác cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số quốc gia. Một số hệ thống, ứng dụng quy mô quốc gia như Trục liên thông văn bản quốc gia; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Cổng Dịch vụ công quốc gia... đã được đưa vào sử dụng đạt hiệu quả cao. Cán bộ, công chức, viên chức đã bắt đầu hình thành thói quen xử lý công việc trên môi trường mạng...

Chính phủ đã ban hành danh mục CSDL dùng chung của bộ, ngành, địa phương, đồng thời thực hiện nhiều giải pháp để hướng đến việc hoàn thành mục tiêu đến năm 2025, hoàn thành 100% các CSDL quốc gia cần ưu tiên triển khai để phục vụ phát triển Chính phủ số, chính quyền số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Nghiên cứu đề xuất cơ chế thu phí từ việc khai thác dữ liệu để tái đầu tư, quản lý, vận hành, phát triển CSDL phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp. Hiện nay, có 45 bộ, ngành, địa phương đã xây dựng và ban hành danh mục CSDL, danh mục dữ liệu mở. Các CSDL quốc gia khác như dân cư, bảo hiểm, doanh nghiệp... ngày càng nâng cao về mặt chất lượng và hoàn thiện. Các CSDL này đóng vai trò then chốt để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản số 5752/BTTTT-CĐSQG ngày 26/11/2022 về việc đôn đốc triển khai Nghị định số 47/2020/NĐ-CP, thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở là một tiền đề quan trọng để các bộ, ngành, địa phương ban hành các quyết định về việc cung cấp dữ liệu mở theo thẩm quyền của mình. Hiện nay một số bộ, ngành, địa phương đã triển khai xây dựng cổng dữ liệu mở. Một số cổng dữ liệu mở tiêu biểu như: Cổng dữ liệu mở Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ https://opendata.hochiminhcity.gov.vn/; Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: https://data.thuathienhue.gov.vn/; Cổng dịch vụ dữ liệu của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng tại địa chỉ https://congdulieu.vn/; Cổng dữ liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại địa chỉ: https://data.mpi.gov.vn.

Nâng cao hiệu quả, tăng tỷ lệ sử dụng DVCTT, bảo đảm dễ sử dụng, thân thiện với người dùng; thực hiện phổ cập kỹ năng số miễn phí giúp người dân khai thác, sử dụng DVCTT. Hiện có 80/83 bộ, ngành, địa phương đã công bố danh mục DVCTT toàn trình, một phần. Tính đến hết tháng 6/2023, tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện đạt 90,66%. Hiện có 18 tỉnh ban hành chính sách giảm phí, lệ phí để khuyến khích người dân sử dụng DVCTT. Hiện có 04 tỉnh ban hành chính sách giảm thời gian xử lý cho các DVCTT so với thực hiện trực tiếp để khuyến khích người dân sử dụng DVCTT. Triển khai Tổ CNSCĐ: đến nay, cả nước đã có 63/63 tỉnh, thành phố đã có Tổ CNSCĐ, thành lập 74.422 Tổ CNSCĐ và 348.362 thành viên tham gia Tổ CNSCĐ cấp xã, thôn, phố; 52/63 tỉnh, thành phố hoàn thành 100% đến cấp xã. Các thành viên Tổ CNSCĐ được tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng số thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Thông tin và

Truyền thông (tại địa chỉ https://onetouch.mic.gov.vn) để tiếp tục hướng dẫn cho người dân tại địa bàn. Đến nay, đã có hơn 18 triệu lượt người truy cập và tham gia các khóa học trên Nền tảng này[20].

2. Một số tồn tại, hạn chế

2.1 Đối với việc ban hành chính sách, pháp luật về chuyển đổi số

Việc ban hành chính sách, pháp luật về chuyển đổi số trong thời gian vừa qua đã được quan tâm, chú trọng, bên cạnh các văn bản liên quan vẫn còn hiệu lực, Đảng, các cơ quan Nhà nước đã nỗ lực ban hành các văn bản mới tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc thực hiện quá trình chuyển đổi số quốc gia. Tuy nhiên, việc ban hành chính sách, pháp luật về chuyển đổi số vẫn còn những tồn tại, hạn chế cơ bản sau đây:

(1) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động chuyển đổi số chưa thống nhất, đồng bộ.

Nhằm tạo lập khung khổ pháp lý mang tính tổng thể, chuyên ngành cho các hoạt động chuyển đổi số, ngay từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, tại Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15), Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đề cập đến việc xây dựng Luật điều chỉnh về Chính phủ số, Luật điều chỉnh về công nghiệp công nghệ số, nghiên cứu, rà soát, sửa đổi Luật Giao dịch điện tử, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Viễn thông, Luật Công nghệ thông tin, Luật Tần số vô tuyến điện. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, ngoại trừ việc sửa đổi, bổ sung các văn bản như Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Giao dịch điện tử, Luật Viễn thông, các luật khác vẫn chưa được Chính phủ trình Quốc hội xem xét theo tiến độ đã yêu cầu.

Một số hoạt động chuyển đổi số đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đáng khích lệ điển hình như việc xây dựng và hình thành các dữ liệu về dân cư. Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ Công an và Bộ Nội vụ, cho đến nay thể chế pháp luật chuyên ngành vẫn chưa hoàn thiện để phù hợp với phương thức quản lý dân cư hiện đại. Hiện nay, còn **649** thủ tục hành chính chưa được thực thi theo các Nghị quyết của Chính phủ liên quan đến chuyển đổi số[21].

(2) Chưa bảo đảm tính kịp thời, khả thi trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về chuyển đổi số.

Chuyển đổi số gắn liền với sự phát triển của công nghệ số. Đây là lĩnh vực phát triển nhanh, tác động nhanh và sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội nói chung và hành vi, thói quen của người dân nói riêng. Cũng như nhiều nước khác trên thế giới, ở Việt Nam cho đến nay rất nhiều vấn đề về công nghệ số như việc xác lập quyền sở hữu, bản quyền các sản phẩm tái sinh từ các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, mức độ ứng dụng các công cụ Chat GPT... vẫn còn những khoảng

---

[20] Báo cáo số 510/BC-CP ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ.
[21] Theo Báo cáo bổ sung của Bộ Công an ngày 04/12/2023.

trống về mặt pháp lý. Hiện chưa có hành lang pháp lý cho thí điểm triển khai áp dụng các mô hình kinh doanh, dịch vụ mới. Còn thiếu các quy định về giao dịch dữ liệu, bảo vệ cơ sở dữ liệu, dữ liệu cá nhân, thông tin riêng tư, cũng như tạo lập niềm tin trên không gian số; thiếu quy định về quyền cá nhân, đạo đức khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Cơ chế chính sách cho việc thử nghiệm ứng dụng các công nghệ mới còn thiếu đồng bộ, gây khó khăn cho quá trình triển khai, trong đó một số cơ chế như đấu thầu không vận dụng được trong quá trình nghiên cứu thử nghiệm công nghệ mới. Chưa xây dựng được cơ chế cho quỹ đổi mới sáng tạo, do đó việc đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo còn mất nhiều thời gian trong quá trình phê duyệt thủ tục, làm giảm động lực của các cá nhân, tổ chức tham gia nghiên cứu. Công nghệ thông tin là một lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh, đồng nghĩa với tốc độ lạc hậu rất nhanh, chi phí lớn, thời gian triển khai dài, hiệu quả lâu dài (khó chứng minh được tính hiệu quả trong ngắn hạn) nên lựa chọn giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp là một thách thức rất lớn[22].

Hành lang pháp lý trong lĩnh vực thanh toán điện tử vẫn chưa hoàn thiện và đồng bộ, mặc dù thời gian qua đã được cải thiện nhiều. Các chính sách về thanh toán không dùng tiền mặt chưa có đột phá đáng kể, chưa luật hóa các hoạt động thanh toán qua ngân hàng. Các quy định còn nhiều bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của thị trường, nhiều dịch vụ mới ra đời nhưng hành lang pháp lý chưa được thiết lập cụ thể để tạo môi trường phát triển dịch vụ và hình thành cơ chế bảo vệ các chủ thể, khách thể trong hoạt động cũng như xây dựng quy trình giải quyết tranh chấp hiệu quả, khách quan. Việc sử dụng tiền mặt vẫn còn khá phổ biến trong các giao dịch dân sự của người dân, nhất là ở địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa; thanh toán điện tử trong thương mại điện tử còn thấp. Nguyên nhân chính là do thói quen tiêu dùng, tâm lý e ngại khi tiếp cận với công nghệ thanh toán mới, cũng như lo ngại về an ninh an toàn và chi phí khi sử dụng các phương thức thanh toán qua ngân hàng[23].

(3) Thiếu đồng bộ, thậm chí còn tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo về pháp lý dẫn đến việc triển khai hoạt động chuyển đổi số còn khó khăn (Xem chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Báo cáo này)

Các quy định về chuyển đổi số như về hạ tầng kỹ thuật; hình thành, tạo lập dữ liệu; chia sẻ, kết nối, liên thông, lưu trữ dữ liệu; bảo đảm an toàn, an ninh trong quá trình sử dụng dữ liệu... hiện được quy định rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật với nhiều cấp độ (luật, nghị định, thông tư, chỉ thị...) khác nhau. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn việc thiếu nhất quán, đồng bộ.

Đáng chú ý, qua rà soát của Bộ Công an, hiện có tới 69 Luật có quy định về cơ sở dữ liệu gồm Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Trong đó, đa số các luật có quy định về trách nhiệm của cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu

---

[22] Theo Báo cáo số 4797/VNPT-CLSP của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (văn bản phúc đáp công văn số 1316/UBKHCNMT15).

[23] Theo Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số (văn bản phúc đáp công văn số 1316/UBKHCNMT15).

trong việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên các quy định nêu trên chưa thể hiện được tính đồng bộ, thống nhất trong việc phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, việc quản lý dữ liệu đều mang tính cát cứ, cục bộ, chưa điều chỉnh thống nhất về quản lý dữ liệu quốc gia của cơ quan, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội[24].

Các quy định về chữ ký số chuyên dùng chưa đồng bộ, thống nhất gây khó khăn, lãng phí trong quá trình thực thi. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 23/01/2019 về việc tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp. Theo đó, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bắt buộc phải sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Tuy nhiên, trên thực tế việc áp dụng chữ ký này trên các một số trang DVCTT của Kho bạc Nhà nước, cơ quan thuế... chưa thực sự thuận lợi, trong một số trường hợp vẫn phải đầu tư thêm thiết bị chữ ký số công cộng khác (việc tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ chưa kịp thời, đầy đủ, chưa cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số từ xa...). Điều này không chỉ gây ra sự lãng phí mà còn gây khó khăn khi cài đặt chữ ký số trên các thiết bị máy tính có cấu hình thấp, hệ điều hành cũ[25].

(4) Một số quy định pháp lý còn thiếu cụ thể, đã trở nên lạc hậu, hoặc/và trở thành rào cản chưa được tháo gỡ nhất là cơ chế tài chính

Các quy định về giao dịch điện tử trong các lĩnh vực chuyên ngành, việc chia sẻ dữ liệu giữa các doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước, việc mở/chia sẻ dữ liệu của các cơ quan chính quyền hiện vẫn còn nhiều vướng mắc trong quá trình thực thi do thiếu các hướng dẫn cụ thể về danh mục dữ liệu mở của các bộ/ngành; cách thức chia sẻ; tần suất chia sẻ;... (ví dụ cho phép kết nối tra cứu hóa đơn hợp lệ, tra cứu thông tin doanh nghiệp, cá nhân thông qua các giao thức truy vấn thời gian thực từ hệ thống của doanh nghiệp...) và nhiều quy định chặt chẽ đối với các doanh nghiệp trong nước trong khi chưa quản lý được đối với việc cung cấp của các nhà cung cấp dịch vụ, nội dung xuyên biên giới[26].

Về cơ chế tài chính, theo phản ánh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 749/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đều không có quy định về ngành, lĩnh vực hoặc hạng mục chi cho chuyển đổi số.

---

[24] Theo Báo cáo số 7419/VP-TTTTCH của Bộ Công an ngày 07 tháng 12 năm 2023 về xây dựng báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số.

[25] Theo Báo cáo của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (văn bản phúc đáp công văn số 1316/UBKHCNMT15).

[26] Theo Báo cáo số 4797/VNPT-CLSP của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam.

Việc phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chưa được quy định cụ thể. Bộ Tài chính yêu cầu hồ sơ theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC khi phân bổ cho các nhiệm vụ này, tuy nhiên thông thường khi phê duyệt nhiệm vụ/dự án phải có nguồn lực, tiến hành khảo sát lập dự toán... trước khi phê duyệt để đảm bảo khả thi, hiệu quả. Việc yêu cầu phải có đầy đủ thủ tục trước khi phân bổ chưa phù hợp, không khả thi, khi phê duyệt nhiệm vụ, có khả năng bị nợ đọng.

Đối với vốn đầu tư công khi bố trí/đề xuất cho các nhiệm vụ/dự án rất khó khăn do phải tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, chưa phù hợp với đặc thù của nhiệm vụ/dự án CNTT mang tính thời điểm, nếu để quá lâu sẽ bị lạc hậu, giảm hiệu quả, dẫn đến lãng phí trong đầu tư. Mặt khác, quy trình, thủ tục triển khai dự án/nhiệm vụ CNTT chưa có đặc thù so với các nhiệm vụ khác, trình tự, thủ tục kéo dài, giảm tính thời sự, cấp bách của nhiệm vụ[27].

Việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để áp dụng vào hoạt động phát triển khoa học công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh còn nhiều vướng mắc do thiếu các văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết (chưa có quy định sử dụng quỹ để trả lương cho đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên trách tại doanh nghiệp, vướng mắc khi triển khai quy định chuyển giao, mua sắm công nghệ, chi hợp tác khoa học công nghệ đặt hàng các viện, trường đại học..., góp vốn đầu tư mạo hiểm vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ nhỏ..., thời gian đánh giá hiệu quả của các dự án khoa học công nghệ; định giá công nghệ, kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ). Bên cạnh đó, các quy định về chia sẻ dữ liệu cũng chưa được hoàn thiện trong khi quá trình chuyển đổi số đòi hỏi sự kết nối giữa các chủ thể tham gia; chưa có các văn bản chuyên ngành để phục vụ triển khai thực hiện Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi).

(5) Một số chính sách, quy định dù mới được ban hành song đã bộc lộ sự bất hợp lý trong quá trình triển khai.

Điển hình như việc đề ra mục tiêu đến năm 2025, hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ trên 80% số hộ gia đình, 100% xã là không phù hợp đối với các địa phương có địa bàn thuộc miền núi, vùng sâu, vùng xa. Qua khảo sát tại Hà Giang, Điện Biên, tính đến thời điểm tháng 11/2023 vẫn còn nhiều khu vực tại các địa phương này chưa được phủ lưới điện quốc gia, còn không ít vùng lõm sóng, trắng sóng. Mặt khác, đời sống nhân dân tại đây còn nhiều khó khăn, chưa thực sự có nhu cầu sử dụng các tiện ích của hoạt động chuyển đổi số như định danh điện tử, thanh toán điện tử... Chính sách đẩy mạnh tuyên truyền về chuyển đổi số thông qua hoạt động của các Tổ CNSCĐ cũng gặp nhiều vướng mắc trên thực tế khi chưa có những quy định cụ thể về quy chế hoạt động, chế độ hỗ trợ về tài chính, đào tạo kỹ năng, hỗ trợ trang thiết bị chuyển đổi số... cho các thành viên của Tổ CNSCĐ.

Việc triển khai hợp đồng lao động điện tử còn vướng mắc do giá trị pháp lý của chữ ký điện tử chưa được quy định cụ thể. Theo Quyết định số 27/QĐ-

[27] Theo Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

UBQGCĐS của Ủy ban chuyển đổi số quốc gia, "Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm triển khai nền tảng dữ liệu về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội". Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, một số địa phương đã gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc như: nền tảng hợp đồng lao động điện tử đối với người lao động và tổ chức sử dụng lao động chưa được hình thành; việc công nhận và sử dụng hợp đồng lao động điện tử của các cơ quan liên quan như thuế, bảo hiểm xã hội, ngân hàng... quy trình còn phức tạp vì phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính, yêu cầu phải có hợp đồng lao động bằng văn bản giấy có công chứng; chi phí cho chữ ký điện tử còn cao...[28]

2.2 Đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số

Về tổ chức thực hiện, thực thi hoạt động chuyển đổi số: Việc triển khai các nền tảng số quốc gia do các bộ, ngành ở trung ương chủ trì còn chậm, thiếu quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Việc tiếp cận hoạt động chuyển đổi số tại không ít cơ quan, đơn vị thường có tâm lý chờ chỉ đạo từ cấp trên, không chủ động rà soát từ nội tại dẫn đến việc xây dựng các kế hoạch về chuyển đổi số trong thời gian qua còn manh mún, thiếu tính hệ thống khiến việc triển khai bị động, thiếu bài bản.

Về đầu tư, tài chính cho chuyển đổi số: Việc triển khai các nền tảng số trong chuyển đổi số là cách tiếp cận mới, khác với việc triển khai các hệ thống thông tin trước đây, chuyển từ đầu tư các hệ thống thông tin sang thuê các nền tảng số, kinh phí của nguồn đầu tư lại không được sử dụng để thuê, kinh phí thuê lấy từ nguồn chi thường xuyên thấp và qui định thời hạn giải ngân chỉ trong một năm nên dẫn đến năm nào cũng phải làm thủ tục đấu thầu thuê dịch vụ khiến nhiều bộ, ngành, địa phương gặp lúng túng, khó khăn trong việc thuê các nền tảng số. Chính sách về đầu tư, tài chính để triển khai hoạt động chuyển đổi số còn khó khăn, chưa được tháo gỡ chưa kịp thời; việc phân bổ nguồn tài chính cho các nhiệm vụ, đề án, dự án có phạm vi quy mô quốc gia còn chậm và triển khai phức tạp mất nhiều thời gian.

Chưa có Mục lục Ngân sách dành riêng cho nội dung chuyển đổi số dẫn đến khó khăn trong việc xác định tỷ lệ chi cho chuyển đổi số. Trên thực tế, ngân sách cho chuyển đổi số vẫn phải lồng ghép vào các nội dung chi cho khoa học, công nghệ. Điều này dễ dẫn đến khó khăn trong việc xác định tỷ lệ chi cho chuyển đổi số/tổng chi ngân sách hàng năm, gây ra tình trạng chồng chéo, dễ thống kê thiếu trong quản lý ngân sách tại địa phương.

Về nhân lực cho chuyển đổi số: Đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương thiếu về số lượng và kiến thức, kỹ năng tham mưu tổ chức triển khai chuyển đổi số. Chưa có cơ chế, chính sách

[28] Theo các Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (các văn bản phúc đáp công văn số 1316/UBKHCNMT15) và kết quả khảo sát trực tiếp tại Bắc Giang.

thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao và đãi ngộ cho cán bộ làm nhiệm vụ chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước. Đặc biệt, mức lương và chế độ đãi ngộ đối với nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước còn thấp, có sự chênh lệch rất lớn với so với doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài dẫn đến khó thu hút, giữ chân cán bộ công nghệ thông tin chất lượng cao[29]. Bên cạnh đó, tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng về chuyển đổi số còn rất thấp. Việc phổ cập kỹ năng số cho lực lượng lao động làm việc trong các ngành nghề khác nhau và cho người dân còn chậm. Số lượng, chất lượng kỹ sư, cử nhân, kỹ thuật viên về công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn rất hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số. Các nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia còn chậm triển khai (chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp và triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số).

Về cơ sở dữ liệu: Nhận thức về vai trò của dữ liệu và năng lực tổ chức, xây dựng, khai thác dữ liệu còn hạn chế; lúng túng trong việc xác định mô hình tổ chức các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia; thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương; điều kiện hạ tầng chưa đảm bảo để thu thập, kết nối, khai thác dữ liệu ổn định, thống nhất và đồng bộ. Phần lớn các CSDL, hệ thống thông tin được thiết kế, xây dựng phục vụ theo mục đích của cơ quan chủ quản, được phát triển từ hệ thống nghiệp vụ đã có, sử dụng nhiều công nghệ, tiêu chuẩn khác nhau, chưa được đánh giá, thiết kế, xây dựng để dùng chung, chia sẻ ra bên ngoài ngay từ ban đầu. Dẫn đến, khi kết nối, chia sẻ dữ liệu cần chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống. Việc này không tự thực hiện được mà cần thông qua việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ; cần có kinh phí, thời gian để thực hiện, trong khi nhu cầu thực tế thường phải triển khai ngay, có kết quả sớm. Hạ tầng kỹ thuật, phần mềm ứng dụng, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin thường được đầu tư từ trước với kinh phí rất hạn chế, không ổn định; thường không có điều kiện để nâng cấp, cập nhật, gia hạn bản quyền, dẫn đến chưa bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Chưa có cơ chế, quy định chung về kinh phí vận hành duy trì, thu phí/giá/chi phí phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu qua các nền tảng để bảo đảm có nguồn lực quản lý, vận hành, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin mạng[30].

Về hạ tầng phục vụ chuyển đổi số: Quá trình triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở nước ta đã diễn ra trong nhiều năm, tuy nhiên sự phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước, giữa trung ương và địa phương còn chưa đồng đều. Một số bộ, ngành, địa phương đã triển khai hạ tầng thiết bị công nghệ thông tin hiện đại (Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội, Ngân hàng nhà nước, Bắc Giang...) trong khi đó một số ngành, địa phương chưa có đủ trang thiết bị công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng nền tảng để triển khai các hệ thống thông tin cốt lõi, các cơ sở dữ liệu chuyên môn nghiệp vụ (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hà Giang...). Tại nhiều địa phương, việc xây dựng các trạm thu phát sóng, phát triển hạ tầng mạng di động, nâng cấp mạng

[29] Theo phản ánh của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân các tỉnh Bắc Giang, Hà Giang, Điện Biên.

[30] Báo cáo số 510/BC-CP ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ

di động còn gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn lực, chưa đạt được sự đồng thuận, ủng hộ của người dân.

Về an toàn, an ninh mạng, trong quá trình thực hiện hoạt động chuyển đổi số đối với thông tin bí mật nhà nước, khi trao đổi, cung cấp, chuyển giao, lưu trữ qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, phương tiện thông tin, viễn thông đều phải được mã hóa theo quy định của pháp luật về cơ yếu. Tuy nhiên, kinh phí để triển khai mã hóa là rất lớn nên hiện nay chỉ có các đơn vị thuộc lực lượng công an, quân đội, ngoại giao (khi chuyển cho cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài) và một số cơ quan của Đảng (Văn phòng Trung ương Đảng, các thành ủy, tỉnh ủy) được mã hóa đường truyền và triển khai sản phẩm mật mã để thực hiện hoạt động trao đổi, truyền đưa thông tin bí mật nhà nước qua mạng.

Đồng thời, hoạt động chuyển đổi số đang được các bộ, ngành, địa phương triển khai nhằm đáp ứng yêu cầu về Chính phủ điện tử, tuy nhiên, cơ sở hạ tầng, phương tiện, thiết bị hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước nên nguy cơ lộ, mất thông tin bí mật nhà nước khi thực hiện hoạt động chuyển đổi số là rất lớn.

Đáng lưu ý là hệ thống mạng máy tính tại nhiều cơ quan, tổ chức, trong đó có những cơ quan trọng yếu, cơ mật còn tồn tại nhiều sơ hở, lỗ hổng bảo mật, chưa có giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng, chưa thực hiện đúng các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước[31].

Về thông tin, tuyên truyền chuyển đổi số: Công tác chỉ đạo, tuyên truyền về chính sách, kỹ thuật công nghệ phục vụ việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số ở các cấp, ngành, địa phương vẫn chưa được đẩy mạnh, kịp thời và phù hợp dẫn đến nhận thức, hiểu biết để triển khai công tác này còn hạn chế...

3. Nguyên nhân

3.1 Nguyên nhân chủ quan

Chuyển đổi số là phương thức phát triển mới, chưa có tiền lệ, dù đã được Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm, chú trọng song Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia chưa có nhiều kinh nghiệm trong vận hành, quản lý các hoạt động chuyển đổi số.

Việc phối hợp triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu về chuyển đổi số giữa các cơ quan, đơn vị, giữa Nhà nước với các doanh nghiệp, giữa trung ương với địa phương còn chưa thống nhất, kịp thời và chặt chẽ.

Kinh phí, nhân lực dành cho hoạt động chuyển đổi số chưa tương xứng với mục tiêu, yêu cầu đặt ra.

Năng lực, trình độ, nhận thức về chuyển đổi số chưa đồng đều giữa các cơ quan, đơn vị, vùng miền, đặc biệt là còn nhiều hạn chế, bất cập ở các địa phương thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

---

[31] Theo Báo cáo số 7419/VP-TTTTCH của Bộ Công an ngày 07 tháng 12 năm 2023 về xây dựng báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số.

3.2 Nguyên nhân khách quan

Việc ban hành và thực hiện các chính sách, pháp luật trong thời gian qua diễn ra trong bối cảnh thế giới phải đối mặt với nhiều thách thức từ Đại dịch COVID-19, các cuộc chiến tranh, xung đột vũ trang và phi vũ trang diễn ra ở nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới. Theo các chuyên gia kinh tế - xã hội, thế giới đang ở giai đoạn phát triển với nhiều yếu tố bất định, khó dự đoán. Do vậy, việc hoạch định, triển khai các chính sách, đặc biệt là những chính sách mới gặp nhiều khó khăn.

Về tốc độ phát triển và trình độ công nghệ, đặc biệt là công nghệ số hiện Việt Nam vẫn là nước đi sau. Do đó, việc ban hành hệ thống chính sách, pháp luật chưa bảo đảm kịp thời, phù hợp với sự phát triển của xu hướng chuyển đổi số.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chính phủ

Chưa quyết liệt, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ, xử lý triệt để những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, nhất là đầu tư và tài chính trong việc triển khai các hoạt động về chuyển đổi số.

Mặc dù Chính phủ đã khẩn trương ban hành Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, song việc chỉ đạo triển khai các hoạt động rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành, địa phương về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin phục vụ các hoạt động về chuyển đổi số chưa theo kịp tiến độ đã đề ra tại Chiến lược này.

2. Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số chưa phát huy hết vai trò của cơ quan chỉ đạo, điều phối các bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số. Còn tình trạng cát cứ, manh mún, thiếu kết nối, liên thông giữa các bộ, ngành, giữa trung ương với địa phương, giữa các địa phương với nhau trong chuyển đổi số. Thiếu cơ chế tạo lập và vận hành các mô hình hạ tầng, cơ sở dữ liệu dùng chung.

Kế hoạch hoạt động hàng năm của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số thường ban hành chậm (sau quý I hằng năm) dẫn đến các bộ, ngành, địa phương bị động trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động của mình[32].

3. Bộ Thông tin và Truyền thông

Bộ Thông tin và Truyền thông còn chưa sát sao trong việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát, chưa kịp thời hướng dẫn cho các bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai các nội dung về chuyển đổi số.

---

[32] Theo Báo cáo số 1925/BCA-VP của Bộ Công an ngày 16/6/2023.

4. Ban Cơ yếu Chính phủ

Ban Cơ yếu Chính phủ cần nghiên cứu xây dựng, ban hành các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số chuyên dùng công vụ và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng theo quy định để tạo hành lang pháp lý chặt chẽ trong hoạt động cung cấp, đảm bảo dịch vụ chứng thực số[33].

5. Các bộ, ngành, địa phương

Các bộ, ngành, địa phương còn lúng túng trong việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến chuyển đổi số; chưa mạnh dạn, quyết liệt trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chuyển đổi số; chưa chú trọng, chủ động trong việc chia sẻ, liên thông, kết nối cơ sở dữ liệu của mình.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu rà soát để kịp thời bổ sung, điều chỉnh chương trình xây dựng pháp luật, pháp lệnh hằng năm các văn bản quy phạm pháp luật tạo khung pháp lý xây dựng Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Đồng thời, chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành trong từng ngành, lĩnh vực (điển hình như trong ngành y tế, giáo dục – đào tạo, khoa học công nghệ, tài chính...) để cụ thể hóa việc thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

Trên cơ sở đề xuất của Chính phủ, ban hành theo quy định các văn bản pháp lý cho phép thí điểm triển khai áp dụng các cơ chế vận hành, khai thác mô hình kinh doanh, dịch vụ mới dựa trên công nghệ số; các quy định về giao dịch dữ liệu, bảo vệ cơ sở dữ liệu, dữ liệu cá nhân, thông tin riêng tư; quy định về quyền cá nhân, đạo đức khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo hướng thể chế phải đi trước một bước để giúp chuyển đổi số quốc gia nhanh và bền vững hơn.

Xem xét, xác định cụ thể hơn phạm vi, đối tượng điều chỉnh tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV ngày 08/7/2020 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Theo đó, nghiên cứu, xem xét quy định tại Điều 3, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, cần bổ sung lĩnh vực chuyển đổi số để các bộ, ngành địa phương làm cơ sở xây dựng danh mục dự án, phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách Nhà nước. Quy định như vậy cũng không trái với Điều 36 Luật Ngân sách Nhà nước.

Tăng cường giám sát của UBTVQH, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội đối với việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế thúc đẩy chuyển đổi số ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

2. Đối với Chính phủ

Kịp thời ban hành mới hoặc sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo khung khổ pháp lý chuyên ngành, đặc thù cho hoạt động chuyển đổi số. Đối

---

[33] Theo Báo cáo số 1925/BCA-VP của Bộ Công an ngày 16/6/2023.

với các luật đã được Quốc hội ban hành như Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Giao dịch điện tử, Chính phủ cần khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành theo quy định.

Rà soát các quy định liên quan đến chuyển đổi số, kịp thời điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số phù hợp với đặc điểm của ngành, lĩnh vực, địa phương nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu quả khi triển khai trên thực tế. Rà soát điều chỉnh Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các địa phương theo hướng phân nhóm các địa phương theo đặc điểm địa lý, kinh tế, chú trọng các chỉ tiêu về kết quả đạt được hơn là giá trị đầu tư các dự án CNTT để phản ánh đúng sự nỗ lực và hiệu quả chuyển đổi số của đối tượng được đánh giá.

Chỉ đạo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành các hướng dẫn cụ thể về chi đầu tư công và chi thường xuyên đối với các hạng mục liên quan đến chuyển đổi số.

Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan khẩn trương hoàn thiện Bộ chỉ tiêu thống kê, đo lường quy mô nền kinh tế số phù hợp với chuẩn quốc tế.

Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích việc thuê/đầu tư áp dụng các sản phẩm công nghệ số, các thiết bị, công nghệ mới tiên tiến, hiện đại nhằm thay thế thiết bị cũ, lạc hậu. Nghiên cứu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách về chế độ đào tạo, đãi ngộ để thu hút các chuyên gia giỏi tham gia công tác chuyển đổi số, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác chuyển đổi số, đồng thời khẩn trương ban hành hướng dẫn chi tiết về việc thực hiện cơ chế thuê nhân lực CNTT ngoài biên chế.

Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng và phát triển các mô hình, sản phẩm chuyển đổi số mẫu, dùng chung để các bộ, ngành, địa phương có thể áp dụng, triển khai bảo đảm tiết kiệm, nhanh chóng và đồng bộ (ví dụ mô hình mẫu về trung tâm điều hành thông minh IOC, cổng thông tin điện tử, cổng dịch vụ công, hệ thống quản lý văn bản và điều hành...).

Chỉ đạo tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng hiện đại, băng thông đủ rộng để vượt qua các cuộc tấn công gây nghẽn mạng, thành lập hệ thống máy lưu trữ dự phòng để chuyển hướng dữ liệu trước các cuộc tấn công và phục hồi sau tấn công mạng; thường xuyên rà soát, phát hiện, khắc phục lỗ hổng bảo mật trên toàn hệ thống, bổ sung thiết bị, phần mềm chuyên dụng có khả năng kiểm tra, kiểm soát an ninh, an toàn thông tin trên môi trường mạng viễn thông, Internet, tần số vô tuyến điện,...; xây dựng, triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật nhằm kiểm tra, phát hiện các nguy cơ gây mất an ninh thông tin; đảm bảo xử lý kịp thời các nguy cơ gây mất an ninh, đe dọa gây mất an ninh thông tin ở Việt Nam.

Quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia trong việc sẵn sàng chia sẻ, kết nối hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan nhằm bảo đảm thông tin thông suốt phục vụ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước ở trung ương cũng như địa phương.

3. Đối với Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

Tăng cường và thể hiện rõ vai trò nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc chỉ đạo, phối hợp thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính. Kịp thời đề xuất phương hướng giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai các hoạt động chuyển đổi số như: tham mưu ban hành các hướng dẫn và bộ tiêu chí xác định kinh tế số, xã hội số; tham mưu xác định tỉ lệ, định mức cho các hoạt động đầu tư liên quan đến chuyển đổi số; tham mưu cơ chế, chính sách thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao cho chuyển đổi số, khuyến khích các cơ quan nhà nước thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin một cách hiệu quả; rà soát cải tiến phương thức, chế độ báo cáo đối với các bộ, ngành, địa phương đảm bảo kịp thời, đầy đủ, tránh trùng lặp, giảm tải cho các cơ quan trong công tác báo cáo...

4. Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông

Bộ Thông tin và Truyền thông cần chủ động phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh công tác rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, nhất là cơ chế, chính sách về đầu tư và tài chính. Sớm ban hành hướng dẫn về đơn giá, định mức cho việc quản lý, duy trì, vận hành các ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng chuyển đổi số; tham mưu, đề xuất với Chính phủ kịp thời ban hành và đồng bộ các nghị định, thông tư quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, Nghị định quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia. Trên cơ sở Nghị định này, Bộ Thông tin và Truyền thông cần phối hợp với các bộ liên quan xây dựng định mức tạo lập cơ sở dữ liệu[34]. Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Y tế ban hành thông báo chính thức về mức độ ảnh hưởng của việc lắp đặt, vận hành các trạm thu phát sóng tại khu vực dân sinh. Hằng năm, Bộ Thông tin và Truyền thông cần tham mưu Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động ngay từ những tháng đầu năm để làm cơ sở cho các bộ, ngành, địa phương tham chiếu, xây dựng Kế hoạch.

5. Đối với các bộ, ngành, địa phương

Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; nghiên cứu, ban hành các quy định hướng dẫn cụ thể về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các ngành, lĩnh vực theo hướng cân bằng giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng dữ liệu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

---

[34] Hiện nay, định mức tạo lập cơ sở dữ liệu đang được quy định tại 03 bản khác nhau là: Thông tư số 194/2012/TT-BTC hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư 04/2014/TT-BNV Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; Quyết định 1595/QĐ-BTTTT Về việc công bố Định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất ban hành các chính sách, pháp luật nhằm bảo đảm an toàn, an ninh trong triển khai các hoạt động chuyển đổi số.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; đề xuất các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ số, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế số.

Bộ Nội vụ nghiên cứu đề xuất các chính sách thu hút các chuyên gia công nghệ số thực hiện tham vấn chính sách, xây dựng pháp luật về chuyển đổi số quốc gia, tham gia đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số; rà soát các quy định liên quan đến vị trí việc làm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông để xác định cụ thể vị trí việc làm trong lĩnh vực này. Trong đó cần đặc biệt lưu ý đến vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số ở cấp xã.

Các bộ, ngành chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia cần hướng dẫn, tạo điều kiện để kết nối hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình làm giàu, làm sạch dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, chính quyền địa phương các cấp nâng cao trách nhiệm trong hoàn thiện thể chế về chuyển đổi số, phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp tỉnh, Tổ CNSCĐ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính.

*

* *

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường kính báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

TM. ỦY BAN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
CHỦ NHIỆM

Lê Quang Huy

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chính phủ;
- Bộ TTTT;
- HĐND, UBND, ĐĐBQH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thành viên UBKH,CN&MT, ĐGS;
- Lưu: HC, KHCNMT;
- E-pas: 188435

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 2159/BC-UBKHCNMT15 ngày 29 tháng 12 năm 2023)

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
I	**Luật**			
1.	Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15[1]	22/06/2023	01/07/2024	
2.	Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11	29/06/2006	01/01/2007	
3.	Luật Viễn thông số 24/2023/QH15[2]	24/11/2023	01/07/2024	
4.	Luật Bưu chính số 49/2010/QH12	17/6/2010	01/01/2011	
5.	Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13	19/11/2015	01/07/2016	
6.	Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14	2/06/2018	01/01/2019	
II.	**Nghị quyết, Nghị định, Quyết định, Thông tư hướng dẫn chuyển đổi số nói chung**			
II.1	**Nghị quyết**			
7.	Nghị quyết số 175/NQ-CP phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia	30/10/2023	30/10/2023	
8.	Nghị quyết 127/NQ-CP về áp dụng cấp thị thực điện tử cho công dân các nước, vùng lãnh thổ; các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử	14/08/2023	15/08/2023	
9.	Nghị quyết 60/NQ-CP bổ sung danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử	27/04/2022	27/04/2022	
10.	Nghị quyết 17/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025	07/03/2019	07/03/2019	
II.2	**Nghị định**			
11.	Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về	24/6/2022	15/08/2022	

[1] Thay thế cho Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11
[2] Thay thế cho Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 23/2018/QH14

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng			
12.	Nghị định số 55/2022/NĐ-CP quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	23/8/2022	10/10/2022	
13.	Nghị định 59/2022/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử	05/09/2022	21/10/2022	
14.	Nghị định 48/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông	26/07/2022	26/07/2022	
15.	Nghị định 44/2022/NĐ-CP về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản	29/06/2022	15/08/2022	
16.	Nghị định 85/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử	25/09/2021	01/01/2022	
17.	Nghị định 43/2021/NĐ-CP quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm	31/03/2021	01/06/2021	
18.	Nghị định 87/2020/NĐ-CP quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến	28/07/2020	15/09/2020	
19.	Nghị định 59/2020/NĐ-CP quy định về cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự	27/05/2020	05/06/2020	
20.	Nghị định 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước	09/04/2020	25/05/2020	
21.	Nghị định 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.	08/04/2020	22/05/2020	
II.3	**Quyết định**			
22.	Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"	03/06/2020	03/06/2020	
23.	Quyết định số 2289/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến	31/12/2020	31/12/2020	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	năm 2030			
24.	Quyết định số 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	15/06/2021	15/06/2021	
25.	Quyết định số 411/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	31/03/2022	31/03/2022	
26.	Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	06/01/2022	06/01/2022	
27.	Quyết định số 146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"	28/01/2022	28/01/2022	
28.	Quyết định số 505/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về Ngày Chuyển đổi số quốc gia	22/4/2022	22/4/2022	
29.	Quyết định 1198/QĐ-TTg năm 2023 về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử do Thủ tướng Chính phủ ban hành	13/10/2023	13/10/2023	
30.	Quyết định 830/QĐ-TTg năm 2023 kiện toàn thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ ban hành	12/07/2023	12/07/2023	
31.	Quyết định 348/QĐ-TTg năm 2023 phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	06/04/2023	06/04/2023	
32.	Quyết định 08/2023/QĐ-TTg về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành	05/04/2023	01/06/2023	
33.	Quyết định 975/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công	11/08/2022	11/08/2022	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	nghệ thông tin trong việc thu thập thông tin, dự báo tình hình thị trường nông sản" do Thủ tướng Chính phủ ban hành			
34.	Quyết định 924/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	02/08/2022	02/08/2022	
35.	Quyết định 422/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	04/04/2022	04/04/2022	
36.	Quyết định 390/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Đề án "Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập" do Thủ tướng Chính phủ ban hành	28/03/2022	28/03/2022	
37.	Quyết định 131/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" do Thủ tướng Chính phủ ban hành	25/01/2022	25/01/2022	
38.	Quyết định 1911/QĐ-TTg năm 2021 thực hiện kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Thủ tướng Chính phủ ban hành	15/11/2021	15/11/2021	
39.	Quyết định 34/2021/QĐ-TTg quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh do Thủ tướng Chính phủ ban hành	08/11/2021	09/11/2021	
40.	Quyết định 31/2021/QĐ-TTg về Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ban hành	11/10/2021	09/21/2021	
41.	Quyết định 206/QĐ-TTg năm 2021 phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" do Thủ tướng Chính phủ ban	11/02/2021	11/02/2021	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	hành			
42.	Quyết định 2238/QĐ-TTg năm 2020 về danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông do Thủ tướng Chính phủ ban hành	29/12/2020	29/12/2020	
43.	Quyết định 2178/QĐ-TTg năm 2020 về phê duyệt Đề án "Hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương" do Thủ tướng Chính phủ ban hành	21/12/2020	21/12/2020	
44.	Quyết định 1619/QĐ-TTg năm 2020 về phê duyệt Đề án "Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu" do Thủ tướng Chính phủ ban hành	20/10/2020	20/10/2020	
45.	Quyết định 1532/QĐ-TTg năm 2020 về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	08/10/2020	08/10/2020	
46.	Quyết định 1296/QĐ-TTg năm 2020 về phê duyệt Chương trình "Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu và công bố tác phẩm văn học nghệ thuật Việt Nam trên nền tảng cách mạng công nghiệp lần thứ tư" do Thủ tướng Chính phủ ban hành	24/08/2020	24/08/2020	
47.	Quyết định 1265/QĐ-TTg năm 2020 về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông do Thủ tướng Chính phủ ban hành	18/08/2020	18/08/2020	
48.	Quyết định 20/2020/QĐ-TTg về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương do Thủ tướng Chính phủ ban hành	22/07/2020	15/09/2020	
49.	Quyết định 923/QĐ-TTg năm 2020 về phê duyệt Đề án "Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành giao thông vận tải,	30/06/2020	30/06/2020	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	tập trung đối với lĩnh vực đường bộ" do Thủ tướng Chính phủ ban hành			
50.	Quyết định 893/QĐ-TTg năm 2020 về phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành	25/06/2020	25/06/2020	
51.	Quyết định 19/2020/QĐ-TTg về thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng do Thủ tướng Chính phủ ban hành	17/06/2020	01/08/2020	
52.	Quyết định 458/QĐ-TTg năm 2020 về phê duyệt Đề án "Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020-2025" do Thủ tướng Chính phủ ban hành	03/04/2020	03/04/2020	
53.	Quyết định 411/QĐ-TTg về phê duyệt Danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	24/03/2020	24/03/2020	
54.	Quyết định 366/QĐ-TTg năm 2020 về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Thủ tướng Chính phủ ban hành	11/03/2020	11/03/2020	
55.	Quyết định 135/QĐ-TTg năm 2020 về phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin do Thủ tướng Chính phủ ban hành	20/01/2020	20/01/2020	
III.	**Giao dịch điện tử**			
III.1	**Nghị định**			
56.	Nghị định 27/2007/NĐ-CP Về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính	23/02/2007	14/03/2007	
57.	Nghị định 35/2007/NĐ-CP Về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng	08/03/2007	04/04/2007	
58.	Nghị định 156/2016/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính	21/11/2016	10/01/2017	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
59.	Nghị định 130/2018/NĐ-CPQuy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số	27/09/2018	15/11/2018	
60.	Nghị định 165/2018/NĐ-CP Về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính	24/12/2018	10/02/2019	
61.	Nghị định 14/2022/NĐ-CP Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính viễn thông tần số vô tuyến điện công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và NĐ 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020	27/01/2022	27/01/2022	
III.2	**Quyết định**			
62.	Quyết định 01/2008/QĐ-BTC Ban hành Quy chế công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong hoạt động hải quan	04/01/2008	05/02/2008	
63.	Quyết định 08/2015/QĐ-TTg Thí điểm về giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và đề nghị cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế	09/03/2015	01/05/2015	
III.3	**Thông tư hướng dẫn**			
64.	Thông tư 78/2008/TT-BTC Hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 2 năm 2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính	15/09/2008	17/10/2008	
65.	Thông tư 87/2013/TT-BTC Hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán	28/06/2013	15/08/2013	
66.	Thông tư 134/2017/TT-BTC Hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán	19/12/2017	01/03/2018	
67.	Thông tư 73/2020/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng	07/08/2020	01/10/2020	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	khoán			
68.	Thông tư 19/2021/TT-BTC Hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế	18/03/2021	03/05/2021	
69.	Thông tư 87/2021/TT-BTC Thông tư quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước	08/10/2021	01/12/2021	
70.	Thông tư 01/2022/TT-BCT sửa đổi Thông tư 47/2014/TT-BCT quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư 59/2015/TT-BCT quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	08/01/2022	08/03/2022	
IV	**Công nghệ thông tin**			
IV.1	**Nghị quyết**			
71.	Nghị quyết 26/NQ-CP Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế	15/04/2015	15/04/2015	
IV.2	**Nghị định**			
72.	Nghị định 64/2007/NĐ-CP Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước	10/04/2007	18/05/2007	
73.	Nghị định 174/2013/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện	13/11/2013	15/01/2014	
74.	Nghị định 11/2014/NĐ-CP Về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ	18/02/2014	15/04/2014	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
75.	Nghị định 49/2017/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.	24/04/2017	24/04/2017	
76.	Nghị định 14/2022/NĐ-CP Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính viễn thông tần số vô tuyến điện công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và NĐ 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020	27/01/2022	27/01/2022	
IV.3	**Quyết định**			
77.	Quyết định 246/2005/QĐ-TTg Phê duyệt chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020	06/10/2005	30/10/2005	
78.	Quyết định 169/2006/QĐ-TTg Quy định về việc đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	17/07/2006	31/08/2006	
79.	Quyết định 182/2006/QĐ-TTg Về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong ngành Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin	09/08/2006	03/09/2006	
80.	Sửa đổi một số điều của Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17/07/2006 quy định về việc đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	17/07/2006	02/11/2006	
81.	Quyết định 21/2007/QĐ-BGDĐT Ban hành Quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về Ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông	31/05/2007	19/07/2007	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
82.	Quyết định 05/2007/QĐ-BTTTT Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin Việt Nam đến năm 2020	26/10/2007	24/11/2007	
83.	Quyết định 19/2008/QĐ-BTTTT Ban hành "Quy định áp dụng tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.	09/04/2008	07/05/2008	
84.	Quyết định 357/QĐ-BTTTT Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020.	15/03/2011	15/03/2011	
85.	Quyết định 993/QĐ-BTTTT Công bố Định mức tạm thời về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	01/07/2011	01/07/2011	
86.	Quyết định 1601/QĐ-BTTTT Về việc công bố Định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin.	03/10/2011	03/10/2011	
87.	Quyết định 1595/QĐ-BTTTT Về việc công bố Định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.	03/10/2011	03/10/2011	
88.	Quyết định 31/2019/QĐ-TTg Quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.	09/10/2019	09/10/2019	
IV.4	**Thông tư hướng dẫn**			
89.	Thông tư 20/2009/TT-BLĐTBXH Quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề nhóm nghề Máy tính và công nghệ thông tin.	15/06/2009	30/07/2009	
90.	Thông tư 07/2010/TT-BLĐTBXH Quy định Chương trình khung trình độ	12/04/2010	27/05/2010	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề kinh doanh và Quản lý - Máy tính và Công nghệ thông tin.			
91.	Thông tư 10/2011/TT-BLĐTBXH Quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề: Kinh doanh và quản lý - Máy tính và công nghệ thông tin - Báo chí và thông tin - An ninh và quốc phòng - Nhân văn.	26/04/2011	10/06/2011	
92.	Thông tư 21/2011/TT-BLĐTBXH Quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Mỹ thuật ứng dụng - Kế toán, kiểm toán - Công nghệ thông tin.	29/07/2011	12/09/2011	
93.	Thông tư 35/2011/TT-BTTTT Hủy bỏ tiêu chuẩn ngành về điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin.	06/12/2011	01/01/2012	
94.	Thông tư 38/2011/TT-BLĐTBXH Quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề thuộc nhóm nghề: Sản xuất và chế biến - Công nghệ kỹ thuật - Máy tính và công nghệ thông tin - Dịch vụ vận tải - Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân.	21/12/2011	04/02/2012	
95.	Thông tư liên tịch 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT-VKSNDTC-TANDTC Hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông.	10/09/2012	29/10/2012	
96.	Thông tư 06/2013/TT-BTTTT Quy định chế độ báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.	07/03/2013	01/05/2013	
97.	Thông tư 03/2014/TT-BTTTT Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.	11/03/2014	28/04/2014	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
98.	Thông tư 10/2014/TT-BLĐTBXH Ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề thuộc nhóm nghề Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân - Sản xuất và chế biến - Máy tính và công nghệ thông tin.	27/05/2014	12/07/2014	
99.	Thông tư 14/2014/TT-BKHCN Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	11/06/2014	15/08/2014	
100.	Thông tư 28/2014/TT-BTTTT Quy định về việc thừa nhận phòng thử nghiệm theo các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau về đánh giá phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	31/12/2014	16/02/2015	
101.	Thông tư 45/2015/TT-BTNMT Ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật chuyển giao công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường.	20/10/2015	05/12/2015	
102.	Thông tư 58/2015/TT-BTNMT Quy định thẩm định, kiểm tra và nghiệm thu dự án ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường.	08/12/2015	23/01/2016	
103.	Thông tư 214/2015/TT-BTC Hướng dẫn cơ chế, chính sách ưu đãi về hỗ trợ ngân sách nhà nước, thuế và tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 1193/QĐ-TTg ngày 30/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc tại thành phố cần Thơ.	31/12/2015	14/02/2016	
104.	Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng.	22/04/2016	09/06/2016	
105.	Thông tư 12/2016/TT-BTTTT Quy định về việc chỉ định phòng thử nghiệm tham gia các thỏa thuận thừa nhận lẫn về kết quả đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm, hàng hóa lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	05/05/2016	30/06/2016	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
106.	Thông tư 17/2016/TT-BTNMT Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường.	19/072016	01/09/2016	
107.	Thông tư 45/2016/TT-BTTTT Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Thông tin và Truyền thông.	26/12/2016	15/02/2017	
108.	Thông tư 39/2017/TT-BTTTT Ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.	15/12/2017	01/07/2018	
109.	Thông tư 44/2017/TT-BTTTT Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.	29/12/2017	15/02/2018	
110.	Thông tư 54/2017/TT-BYT Ban hành Bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	29/12/2017	27/02/2018	
111.	Thông tư 02/2018/TT-BNV Quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin.	08/01/2018	15/02/2018	
112.	Thông tư 11/2018/TT-BTTTT Công bố chi tiết Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu kèm theo mã số HS.	15/10/2018	30/11/2018	
113.	Thông tư 23/2018/TT-BTTTT Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020.	28/12/2018	11/02/2019	
114.	Thông tư 44/2018/TT-BLĐTBXH Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin.	28/12/2018	10/02/2019	
115.	Thông tư 21/2019/TT-BLĐTBXH Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc	23/12/2019	06/02/2020	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	lĩnh vực máy tính, công nghệ thông tin và công nghệ kỹ thuật.			
116.	Thông tư 25/2019/TT-BLĐTBXH Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho một số nghề thuộc nhóm nghề điện, điện tử; công nghệ thông tin; xây dựng, kiến trúc và dịch vụ.	24/12/2019	08/02/2020	
117.	Thông tư 26/2019/TT-BLĐTBXH Ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho một số nghề thuộc nhóm nghề điện, điện tử; công nghệ thông tin; nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; dịch vụ và chế biến.	25/12/2019	09/02/2020	
118.	Quy định danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) ở các bậc trình độ kỹ năng nghề 2, 3.	30/12/2019	15/02/2020	
119.	Thông tư 04/2020/TT-BTC Bãi bỏ Thông tư số 132/2008/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho chương trình tín dụng chuyên ngành của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản và Thông tư số 05/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho Dự án Hỗ trợ và phát triển đào tạo đại học và sau đại học về công nghệ thông tin do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản tài trợ.	06/01/2020	20/02/2020	
120.	Thông tư 04/2020/TT-BTTTT quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	24/02/2020	09/04/2020	
121.	Thông tư 03/2020/TT-BTTTT quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	24/02/2020	09/04/2020	
122.	Thông tư 19/2021/TT-BTTTT về Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin trọng	03/12/2021	02/02/2022	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	điểm do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành			
123.	Thông tư 20/2021/TT-BTTTT sửa đổi Thông tư 09/2013/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử	03/12/2021	02/02/2022	
124.	Thông tư 02/2021/TT-BTTTT về "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin báo cáo trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia" do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	21/06/2021	01/01/2022	
V	**Viễn thông**			
V.1	**Nghị định**			
125.	Nghị định 25/2011/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.	06/04/2011	01/06/2011	
126.	Nghị định 81/2016/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông.	01/07/2016	01/07/2016	
	Nghị định 49/2017/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.	24//04/2017	24/04/2017	
V.2	**Thông tư hướng dẫn**			
127.	Thông tư 10/2012/TT-BTTTT Ban hành Danh mục dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 1 điều 3 Nghị định số 25/2011/NĐ-	10/07/2012	31/08/2012	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.			
128.	Thông tư liên tịch 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT-VKSNDTC-TANDTC Hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông.	10/09/2012	29/10/2012	
129.	Thông tư 12/2021/TT-BTTTT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV)" do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	29/10/2021	01/05/2022	
130.	Thông tư 23/2022/TT-BTTTT sửa đổi Thông tư 03/2013/TT-BTTTT quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	30/11/2022	01/02/2023	
131.	Thông tư 20/2022/TT-BTTTT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất" do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	29/11/2022	01/07/2023	
132.	Thông tư 21/2021/TT-BTTTT sửa đổi Thông tư 24/2015/TT-BTTTT quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	08/12/2021	07/02/2022	
VI	**Bưu chính**			
VI.1	**Nghị định**			
133.	Nghị định 174/2013/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.	13/11/2013	15/01/2014	
134.	Nghị định 49/2017/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm	24/04/2017	24/04/2017	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.			
135.	Nghị định 14/2022/NĐ-CP Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính viễn thông tần số vô tuyến điện công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và NĐ 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020.	27/01/2022	27/01/2022	
136.	Nghị định 25/2022/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.	12/04/2022	01//062022	
VI.2	**Quyết định**			
137.	Quyết định 236/2005/QĐ-TTg Về việc phê duyệt quy hoạch phát triển Bưu chính Việt Nam đến năm 2010.	26/09/2005	23/10/2005	
138.	Quyết định 182/2006/QĐ-TTg Về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong ngành Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.	09/08/2006	03/09/2006	
139.	Quyết định 961/QĐ-BCA(A11) Quyết định về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.	22/08/2006	06/09/2006	
140.	Quyết định 39/2007/QĐ-TTg Về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông.	21/03/2007	25/04/2007	
141.	Quyết định 41/2011/QĐ-TTg Về việc chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế.	03/08/2011	01/10/2011	
VI.3	**Thông tư**			
142.	Thông tư 02/2007/TT-BTTTT Hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý giá cước dịch	13/12/2007	11/01/2008	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	vụ bưu chính, viễn thông.			
143.	Thông tư liên tịch 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA Về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.	28/11/2008	09/01/2009	
144.	Thông tư 12/2018/TT-BTTTT Quy định mức giá cước tối đa dịch vụ bưu chính phổ cập.	15/10/2018	01/12/2018	
145.	Thông tư 14/2018/TT-BTTTT Quy định về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính.	15/10/2018	01/12/2018	
146.	Thông tư 56/2019/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế.	23/08/2019	15/10/2019	
VII	**An toàn thông tin mạng**			
VII.1	**Nghị định**			
147.	Nghị định 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	01/07/2016	01/07/2016	
VII.2	**Quyết định**			
148.	Quyết định 05/2017/QĐ-TTg Ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia.	16/03/2017	16//032017	
149.	Quyết định 1907/QĐ-TTg năm 2020 về phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025" do Thủ tướng Chính phủ ban hành	23/11/2020	23/11/2020	
150.	Quyết định 21/QĐ-TTg năm 2021 về phê duyệt Đề án "Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-	06/01/2021	06/01/2021	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
	2025" do Thủ tướng Chính phủ ban hành			
VII.3	**Thông tư**			
151.	Thông tư 121/2018/TT-BTC Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí để thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng.	12/12/2018	01/02/2019	
152.	Thông tư 12/2019/TT-BTTTT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	05/11/2019	24/12/2019	
153.	Thông tư 13/2021/TT-BTTTT Ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn điện cho thiết bị đầu cuối kết nối mạng viễn thông và công nghệ thông tin".	29/10/2021	01/07/2022	
154.	Thông tư 10/2022/TT-BTTTT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.	20/07/2022	15/09/2022	
155.	Thông tư 12/2022/TT-BTTTT hướng dẫn Nghị định 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	12/08/2022	01/10/2022	
VIII	**An ninh mạng**			
VIII.1	**Quyết định**			
156.	Quyết định 964/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	10/08/2022	10/08/2022	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
VIII.2	**Nghị định**			
157.	Nghị định số 53/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng	15/08/2022	01/10/2022	
158.	Nghị định 13/2023/NĐ-CP bảo vệ dữ liệu cá nhân	17/04/2023	01/07/2023	
IX.	**Các lĩnh vực khác**			
IX.1	**Thông tư**			
159.	Thông tư 06/2023/TT-BNV Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước	04/05/2023	05/05/2023	
160.	Thông tư 48/2023/TT-BTC hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công	12/07/2023	27/08/2023	
161.	Thông tư 03/2023/TT-BTP sửa đổi Thông tư 01/2022/TT-BTP hướng dẫn Nghị định 87/2020/NĐ-CP quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến	02/08/2023	02/08/2023	
162.	Thông tư 14/2023/TT-BNV về Quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ	05/09/2023	16/10/2023	
163.	Thông tư 46/2022/TT-BCA quy định về kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	04/11/2022	19/12/2022	
164.	Thông tư 01/2023/TT-VPCP quy định nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	05/04/2023	25/05/2023	
165.	Thông tư 08/2022/TT-BCA quy định danh mục sản phẩm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	27/01/2022	14/03/2022	
166.	Thông tư 93/2021/TT-BTC quy định về cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	01/11/2021	31/12/2021	

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
167.	Thông tư 01/2022/TT-BTTTT sửa đổi 1:2022 QCVN 102:2016/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành	17/02/2022	15/09/2022	
168.	Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo	30/12/2021	14/02/2022	

Phụ lục II

DANH MỤC MỘT SỐ QUY ĐỊNH CÒN MÂU THUẪN, CHỒNG CHÉO TRONG HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN ĐỔI SỐ[1]

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 2159/BC-UBKHCNMT15 ngày 29 tháng 12 năm 2023)

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
1.	Luật Bưu chính	**Điều 9. Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính bằng văn bản** 1. Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính bằng văn bản phải có những nội dung chính sau đây: a) Loại hình dịch vụ bưu chính; b) Khối lượng, số lượng bưu gửi; c) Thời gian, địa điểm và phương thức cung ứng dịch vụ bưu chính; d) Chất lượng dịch vụ bưu chính; đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;	Nội dung Hợp đồng cung ứng dịch vụ bưu chính có một số trường thông tin về họ tên người sử dụng dịch vụ, nơi ở hiện tại, số điện thoại (đây là các trường thông tin cần phải bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP). Do đó hợp đồng mẫu cần phải bổ sung quy định có nội dung về việc cung cấp cho người sử dụng thông tin mục đích xử lý dữ liệu và cho phép chấp thuận hoặc không chấp thuận việc xử lý dữ liệu cá nhân.	- Trước mắt, khi xử lý hồ sơ cấp phép cần lưu ý hợp đồng mẫu có các nội dung này. - Về lâu dài: Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ nghiên cứu, đánh giá và có đề xuất phương án sửa đổi Luật Bưu chính và các nội dung có liên quan đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ với hệ thống văn bản.	Theo phương án sửa đổi Luật Bưu chính

[1] Dựa trên kết quả rà soát của Bộ Thông tin và Truyền thông

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		e) Giá cước và phương thức thanh toán; g) Trách nhiệm và mức bồi thường tối đa khi có vi phạm hợp đồng. 2. Hợp đồng giao kết bằng văn bản phải được lập bằng tiếng Việt; nếu các bên có thỏa thuận sử dụng thêm ngôn ngữ khác thì văn bản bằng tiếng Việt và văn bản bằng ngôn ngữ khác có giá trị pháp lý như nhau. 3. Chứng từ xác nhận việc chấp nhận bưu gửi giữa doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính và người gửi có giá trị pháp lý như hợp đồng giao kết bằng văn bản giữa các bên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.			
		Khoản 2 Điều 15 về xuất khẩu, nhập khẩu bưu gửi: 2. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế được thay mặt người sử dụng dịch vụ	*Luật quy định về việc Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thay mặt người sử dụng thực hiện các thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu bưu gửi* ***khi là đại diện hợp pháp*** *của người sử dụng dịch vụ bưu chính. Tuy nhiên, Điều 14 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định phải được ủy quyền thì mới được thực hiện (thay mặt chủ thể dữ liệu*	- Trước mắt, khi xử lý hồ sơ cấp phép cần lưu ý hợp đồng mẫu có các nội dung này. - Về lâu dài: Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ nghiên cứu, đánh giá và có đề xuất	Theo phương án sửa đổi Luật Bưu chính

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		bưu chính thực hiện các thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu bưu gửi khi là đại diện hợp pháp của người sử dụng dịch vụ bưu chính.	*cung cấp dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu cho tổ chức hoặc cá nhân khác khi chủ thể dữ liệu đồng ý cho phép đại diện và ủy quyền, trừ trường hợp PL có quy định khác). Do đó, Hợp đồng mẫu cần có trường thông tin ủy quyền cho Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ thực hiện các thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu bưu gửi. (Được cung cấp thông tin của người sử dụng khi kê khai thủ tục hải quan)*	phương án sửa đổi Luật Bưu chính và các nội dung có liên quan đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ với hệ thống văn bản, bao gồm bổ sung nội dung ủy quyền cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu trong hợp đồng mẫu đối với việc cung cấp thông tin của người sử dụng khi thực hiện thủ tục tại cơ quan hải quan.	
		Khoản 10 Điều 15. Thông tin thuê bao chỉ được sử dụng cho các mục đích sau đây: a) Phục vụ công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; b) Phục vụ công tác quản lý nhà nước về viễn thông; c) Phục vụ hoạt động quản lý nghiệp vụ, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông.	**Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP** quy định xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu "Để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thể dữ liệu với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của luật". Quy định tại điểm c khoản 10 Điều 15 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP chưa thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.	Xem xét, đánh giá tác động và có phương án sửa đổi điểm c khoản 10 theo hướng chặt chẽ hơn, đảm bảo thống nhất với Nghị định số 13/2023/NĐ-CP và để tránh việc lộ lọt thông tin cá nhân trong quá trình trao đổi các thông tin giữa các doanh nghiệp.	

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
2.	Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022)	**Khoản 4 Điều 15a Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính, chứng từ xác nhận việc chấp nhận bưu gửi:** "4. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính có trách nhiệm: a) Lưu trữ các tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này tối thiểu 05 năm; b) Cung cấp các tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc trong các trường hợp được pháp luật cho phép." **- Khoản 2, 3, 4 Điều 15b:** "2. Trước khi sử dụng dịch vụ bưu chính, người gửi có trách nhiệm cung cấp cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông tin về người gửi, người nhận, thông	***/ Khoản 7 Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định về lưu trữ, xóa, hủy dữ liệu cá nhân như sau:** 7. Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba xóa không thể khôi phục trong trường hợp: a) Xử lý dữ liệu không đúng mục đích hoặc đã hoàn thành mục đích xử lý dữ liệu cá nhân được chủ thể dữ liệu đồng ý; b) Việc lưu trữ dữ liệu cá nhân không còn cần thiết với hoạt động của Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba; c) Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba bị giải thể hoặc không còn hoạt động hoặc tuyên bố phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật. *Nghị định chưa quy định việc hết thời hạn lưu trữ các tài liệu phải xóa không khôi phục đối với các dữ liệu thu thập được trong quá trình cung ứng dịch vụ để thống nhất với khoản 7 Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.* **/ Ngoài ra các quy định tại Điều 15a và 15b chưa có trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chỉ được sử dụng các dữ liệu*	Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ nghiên cứu, đánh giá và có đề xuất phương án sửa đổi Luật Bưu chính và các nội dung có liên quan đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ với hệ thống văn bản theo hướng: - Bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp chỉ được sử dụng dữ liệu của người sử dụng phục vụ mục đích cung ứng dịch vụ của chính doanh nghiệp đó. - Bổ sung quy định hết thời gian lưu trữ phải xóa không khôi phục đối với toàn bộ dữ liệu thông tin khách hàng được tạo lập trong quá trình cung ứng dịch vụ bưu chính.	

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		tin liên quan đến bưu gửi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của các thông tin đã cung cấp, cụ thể như sau: a) Thông tin về người gửi, người nhận, gồm: Họ và tên, địa chỉ và số điện thoại (nếu có). b) Thông tin liên quan đến bưu gửi, gồm: Nội dung gói, kiện hàng hóa. Trường hợp hàng hóa phải có các giấy tờ đi kèm khi vận chuyển theo quy định của pháp luật, người gửi có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc bản sao hóa đơn, chứng từ, giấy phép chuyên ngành, giấy chứng nhận hoặc giấy tờ khác có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. 3. Thông tin về thời gian, địa điểm chấp nhận bưu gửi bằng một trong các hình thức: Đóng dấu ngày, viết tay, in, dán	*người sử dụng phục vụ mục đích cung ứng dịch vụ của chính doanh nghiệp đó để thống nhất với khoản 4 Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.*		

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		nhãn hoặc thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử. 4. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính có trách nhiệm lưu trữ thông tin về người gửi, người nhận và thông tin liên quan đến bưu gửi quy định tại khoản 2 Điều này tối thiểu 01 năm kể từ ngày được cung cấp."			
3.	Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ quy định quản lý, cung cấp, sử dụng Internet và thông tin trên mạng (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2018/NĐ-CP	**Điều 3. Giải thích từ ngữ** 16. Thông tin cá nhân là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật.	**Điều 3 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định về nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân như sau:** 1. Dữ liệu cá nhân được xử lý theo quy định của pháp luật. 2. Chủ thể dữ liệu được biết về hoạt động liên quan tới xử lý dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác. 3. Dữ liệu cá nhân chỉ được xử lý đúng với mục đích đã được Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba đăng ký, tuyên bố về xử lý dữ liệu cá nhân. 4. Dữ liệu cá nhân thu thập phải phù hợp và giới hạn trong phạm vi, mục đích cần xử lý. Dữ liệu cá nhân không được mua, bán dưới	Nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định lưu ý bảo vệ các thông tin cá nhân trong hợp đồng và xử lý dữ liệu cá nhân bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.	Dự kiến ban hành vào Quý IV/2023 theo lộ trình xây dựng Nghị định trình Chính phủ

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
			mọi hình thức, trừ trường hợp luật có quy định khác. 5. Dữ liệu cá nhân được cập nhật, bổ sung phù hợp với mục đích xử lý. 6. Dữ liệu cá nhân được áp dụng các biện pháp bảo vệ, bảo mật trong quá trình xử lý, bao gồm cả việc bảo vệ trước các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng, chống sự mất mát, phá hủy hoặc thiệt hại do sự cố, sử dụng các biện pháp kỹ thuật. 7. Dữ liệu cá nhân chỉ được lưu trữ trong khoảng thời gian phù hợp với mục đích xử lý dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 8. Bên Kiểm soát dữ liệu, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân phải chịu trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc xử lý dữ liệu được quy định từ khoản 1 tới khoản 7 Điều này và chứng minh sự tuân thủ của mình với các nguyên tắc xử lý dữ liệu đó.		
		Điều 14. Nhà đăng ký tên miền .vn 3. Nhà đăng ký tên miền ".vn" có quyền và nghĩa vụ sau đây: b) Lưu trữ đầy đủ, chính xác thông tin về tổ chức, cá nhân đăng ký tên miền theo quy định của Bộ	**Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP** quy định việc lưu trữ, xóa, hủy dữ liệu cá nhân; Điều 17 quy định xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu	Nghiên cứu, xem xét bổ sung trách nhiệm của nhà đăng ký tên miền trong việc bảo đảm xử lý dữ liệu cá nhân (thông tin cá nhân) theo quy định tại Điều 16, 17 của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP	

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		Thông tin và Truyền thông (thông tư 21/2021/TT-BTTTT);			
		Điều 15. Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam 3. Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Quản lý thông tin về tổ chức, cá nhân ở Việt Nam đăng ký tên miền quốc tế tại đơn vị mình bao gồm tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử đối với tổ chức; họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu, nơi cấp, ngày cấp, địa chỉ thường trú, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử đối với cá nhân	**Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP** quy định việc lưu trữ, xóa, hủy dữ liệu cá nhân; Điều 17 quy định xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu	Nghiên cứu, xem xét bổ sung trách nhiệm của nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam: có trách nhiệm bảo đảm xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định tại Điều 16, 17 của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP	
		Điều 21. Nguyên tắc quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng	**Khoản 4 điều 17 NĐ 13** quy định "Để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thể dữ liệu với cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của luật"	Nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định rõ hơn về trách nhiệm và quy trình trong việc trao đổi dữ liệu	

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		7. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng không được tiết lộ thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ trừ các trường hợp sau đây: a) Người sử dụng đồng ý cung cấp thông tin; b) Các tổ chức, doanh nghiệp có thỏa thuận với nhau bằng văn bản về việc cung cấp thông tin cá nhân để phục vụ cho việc tính cước, lập hóa đơn, chứng từ và ngăn chặn hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng; c) Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	**Khoản 5 điều 17 NĐ 13** Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước đã được quy định theo luật chuyên ngành. *Như vậy, quy định này là phù hợp với quy định tại khoản 4, 5 Điều 17 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.* *Tuy nhiên với nội dung chia sẻ thông tin thuê bao giữa các doanh nghiệp để ngăn chặn hành vi "trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng" là chưa thống nhất giữa quy định của Luật và Nghị định số 13/2023/NĐ-CP do hoạt động này không liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thể dữ liệu với doanh nghiệp không liên quan.*	cá nhân giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ để tránh việc dữ liệu cá nhân của người sử dụng bị sử dụng sai mục đích.	
		Điều 23c. Điều kiện về kỹ thuật đối với trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội 1. Điều kiện về kỹ thuật. b) Đối với mạng xã hội: Lưu trữ tối thiểu 02 năm	**Khoản 7 Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định:** 7. Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba xóa không thể khôi phục trong trường hợp:	Nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định về xóa không khôi phục thông tin cá nhân sau khi hết thời hạn lưu trữ theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP	

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		đối với các thông tin về tài khoản, thời gian đăng nhập, đăng xuất, địa chỉ IP của người sử dụng và nhật ký xử lý thông tin được đăng tải;	a) Xử lý dữ liệu không đúng mục đích hoặc đã hoàn thành mục đích xử lý dữ liệu cá nhân được chủ thể dữ liệu đồng ý; b) Việc lưu trữ dữ liệu cá nhân không còn cần thiết với hoạt động của Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba; c) Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba bị giải thể hoặc không còn hoạt động hoặc tuyên bố phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.		
		Điều 23c. Điều kiện về kỹ thuật đối với trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội 2. Ngoài việc bảo đảm các điều kiện kỹ thuật quy định tại khoản 1 Điều này, hệ thống kỹ thuật thiết lập mạng xã hội phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau: a) Thực hiện đăng ký, lưu trữ thông tin cá nhân của thành viên, bao gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số chứng minh	**Khoản 7 Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định:** 7. Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba xóa không thể khôi phục trong trường hợp: a) Xử lý dữ liệu không đúng mục đích hoặc đã hoàn thành mục đích xử lý dữ liệu cá nhân được chủ thể dữ liệu đồng ý; b) Việc lưu trữ dữ liệu cá nhân không còn cần thiết với hoạt động của Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba;	Nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định về xóa không khôi phục thông tin cá nhân sau khi hết thời hạn lưu trữ theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP	

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có). Trường hợp người sử dụng Internet dưới 14 tuổi và chưa có chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu, người giám hộ hợp pháp quyết định việc đăng ký thông tin cá nhân của người giám hộ theo quy định tại điểm này để thể hiện sự cho phép và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký đó;	c) Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba bị giải thể hoặc không còn hoạt động hoặc tuyên bố phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.		
		Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp thiết lập mạng xã hội 9. Thực hiện việc đăng ký, lưu trữ và quản lý thông tin cá nhân của người thiết lập trang thông tin điện tử cá nhân và người cung cấp thông tin khác trên mạng xã hội theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền		Nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định việc lưu trữ và quản lý thông tin cá nhân phải bảo đảm các quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP	

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		thông. Bảo đảm chỉ những người đã cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cá nhân theo quy định mới được thiết lập trang thông tin điện tử cá nhân hoặc cung cấp thông tin trên mạng xã hội;			
		Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử 7. Trường hợp ngừng cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử, phải thông báo trên trang thông tin điện tử cung cấp trò chơi điện tử tối thiểu 90 ngày trước ngày dự kiến ngừng cung cấp dịch vụ; có các giải pháp bảo đảm quyền lợi của người chơi; báo cáo bằng văn bản với Bộ Thông tin và Truyền thông về các nội dung này 15 ngày trước ngày chính thức ngừng cung cấp dịch vụ;	**Khoản 7 Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định:** 7. Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba xóa không thể khôi phục trong trường hợp: a) Xử lý dữ liệu không đúng mục đích hoặc đã hoàn thành mục đích xử lý dữ liệu cá nhân được chủ thể dữ liệu đồng ý; b) Việc lưu trữ dữ liệu cá nhân không còn cần thiết với hoạt động của Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba; c) Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba bị giải thể hoặc không còn hoạt động hoặc tuyên bố phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.	Nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định về xóa không khôi phục thông tin cá nhân sau khi hết thời hạn lưu trữ theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.	

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của người chơi Người chơi có các quyền và nghĩa vụ sau đây: 5. Thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông;		Nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định chặt chẽ về trách nhiệm của điểm cung cấp trò chơi điện tử trong việc xử lý dữ liệu thông tin người chơi theo quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.	
4.	Thông tư 35/2017/TT-BTTTT ngày 23/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc chuyển mạng viễn thông di động mặt đất giữ nguyên số	**Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp chuyển đi** 1. Hoàn tất các thủ tục có liên quan cho thuê bao di động chuyển đi sau khi kết thúc quá trình chuyển mạng và trong quá trình hậu kiểm. 2. Phối hợp với Doanh nghiệp chuyển đến, Trung tâm Hỗ trợ phát triển mạng và dịch vụ và các bên liên quan để giải quyết khiếu nại của khách hàng liên quan đến dịch vụ chuyển mạng.	*Khi thuê bao đã thực hiện chuyển mạng thành công, Doanh nghiệp chuyển đi phải thực hiện xóa không khôi phục dữ liệu về thông tin thuê bao tại CSDL về thông tin thuê bao của mình (đảm bảo theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 13/2023):* *"Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba xóa không thể khôi phục trong trường hợp:* *a) Xử lý dữ liệu không đúng mục đích hoặc đã hoàn thành mục đích xử lý dữ liệu cá nhân được chủ thể dữ liệu đồng ý;* *b) Việc lưu trữ dữ liệu cá nhân không còn cần thiết với hoạt động của Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu cá nhân, Bên thứ ba;* *c) Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ*	Nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư 35/2017/TT-BTTTT theo hướng sau 02 năm lưu trữ thông tin thuê bao theo quy định, DN viễn thông phải thực hiện xóa không khôi phục dữ liệu về thông tin thuê bao đảm bảo phù hợp với Nghị định số 13/2023/NĐ-CP	Dự kiến đưa vào chương trình xây dựng văn bản QPPL của Bộ TTTT 6 tháng cuối năm 2023

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
			liệu cá nhân, Bên thứ ba bị giải thể hoặc không còn hoạt động hoặc tuyên bố phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật."		
5.	Thông tư số 39/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong lĩnh vực viễn thông (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2018/TT-BTTTT ngày 05/12/2018)	**Điều 5. Yêu cầu chung của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông** 1. Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông phải được lập thành văn bản và phải đáp ứng đủ các điều kiện được quy định tại Điều 7 Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Nghị định số 99/2011/NĐ-CP). 2. Hợp đồng theo mẫu về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông phải bao gồm tối thiểu các nội	**Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP** quy định: Chủ thể dữ liệu được biết về hoạt động liên quan tới xử lý dữ liệu cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.	Nghiên cứu, sửa đổi Phụ lục 1 theo hướng bổ sung quy định về việc bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng thực hiện giao kết hợp đồng đảm bảo phù hợp với Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.	Dự kiến năm 2024

STT	Tên văn bản được rà soát	Quy định được rà soát	Phân tích nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất	Phương án đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Đề xuất lộ trình thực hiện/Tình hình xử lý văn bản
		dung được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. 3. Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông phải bao gồm tối thiểu các nội dung được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.			